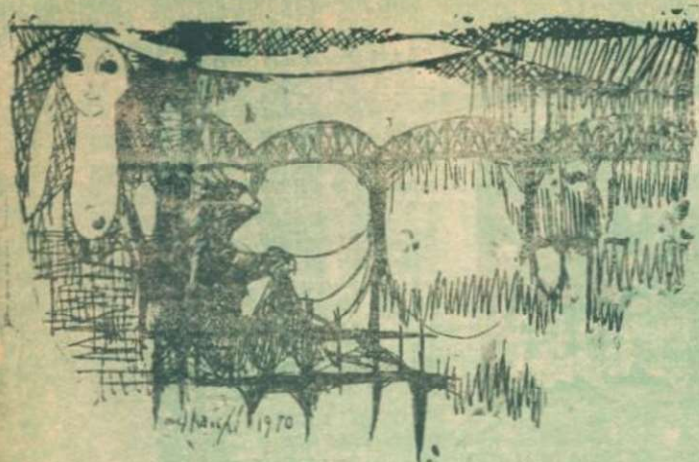




MANG VIÊN LONG

NHỮNG NGÀY MƯA

NĂM THỨ HAI ■ TUẦN BÁO VĂN HỌC
NGHỆ THUẬT RA NGÀY THỨ NĂM ■ 25 Đ.

Khởi Hành

CHỦ NHIỆM, CHỦ BỐT:
ANH VIỆT TRẦN VĂN TRỌNG

THỦ KÝ TÒA SOẠN:
VIÊN LINH

Wan
P24330
A1 K45+1

BUI GIANG

gái đi chợ

Cô đi chợ sáng nay đó chứ
Chắc rằng cô từng chờ đó nghe ra
Rằng tâm sự thần linh thường lấp ló
Bên nếp rìa mực cổ của gấu ma

Cô đi chợ có tăng gia giảm chất
Cho giút chum phường phố bão giông chăng
Tôi cầm bút bâng khuâng từ thuở trước
Tôi thuở sau là thước trở thường hằng

Mà tâm sự mà sương không kể xiết
Gió phù du dưng hồi nữa chỉ nhiều
Dù phố chợ hay thư phòng mãi miết
Cũng chưa từng vỡ lẽ được bao nhiêu

THỜI CỦA
NHỮNG KẺ
GIẾT NGƯỜI

henry miller
ng. hữu hiệu dịch

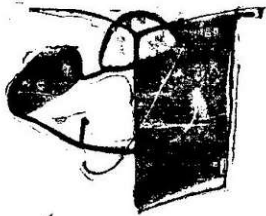
ĐỖ
KHANH
HOAN :
MISHIMA
YUKIO

(1925 - 1970)



82

thứ năm 3-12-70



NGƯỜI VÀ VẬT

phạm thuận

DÒM QUA LĂNG KÍNH CHIẾN TRANH

Một trái mìn ở nơi nào đó, trên quê hương mình, nổ tung. Một người bạn mình nằm xuống. Có thể anh vẫn còn rên rỉ. Có thể anh nằm im vĩnh viễn. Có thể anh tan tành và văng mỗi nơi một mảnh thịt xương, bất động, và hóa mùn qua một thứ thời gian lặng lẽ nào đó. Đoàn quân còn lại vẫn tiếp tục di chuyển trên lộ trình đã định. Những người bạn của anh cứ mãi mãi đi qua. Chiếc trực thăng từ đâu đó tới vớt anh hay những miếng thịt xương ấy về nơi... cố lý.

Tôi nom thấy rõ ràng những hình ảnh ấy qua hình bóng của một thằng bạn từ ngoài khu II mới về, đi qua đi lại trước cửa kính của một quán nước tôi đang ngồi. Hẳn lết một chân theo chiếc nạng gỗ khồn khồn như vậy thì gọi hẳn vào ngồi ở đây làm gì? Không ích gì cho hẳn hết. Bởi, hẳn sẽ khốn khổ hơn khi chợt nhìn những người đang ngồi đây, rất ung dung, hưởng thụ... Cảnh tượng Sài Gòn hôm nay sẽ làm hẳn cúi đầu, buồn tui. Ở Sài Gòn đâu có chiến tranh hả? Ai dám trả lời không? Nhưng cũng không ai chịu trả lời có. Mỗi người phải tự trả lời câu hỏi đó của mình. Mỗi người đều thấy riêng ở mình một cảnh tượng tương tự như thế. Ai không xót xa! Tôi xót xa khi lật một tờ nhật báo xem qua phần tin chiến sự. Tôi không quên. Nhưng nhớ gì? Thành phố cũng đang bị thực những gần nặng qua những ô kính quán. Tôi thấy thằng bạn tôi, đi qua, chiếc đầu cúi thấp khi qua mặt từng người con gái hồ hàng trong chiếc váy ngắn mỏng như lá lúa. Khó thuốc tôi làm mờ hình bóng hẳn trên một khoảng đường khá dài, rồi biệt tăm không còn thấy hẳn đi về từ đâu nữa.

Những tin tức trong tờ nhật báo lại đưa tôi về với một cảnh chiến tranh. Tôi thấy những thằng bạn tôi ngã xuống. Những tiếng nhạc, đang kéo cọt trong màn nhĩ tôi hay là những tiếng súng ở biên thùy xa xăm nào đó. Từ những quán tiệm nào tôi cũng nghe cái mùi không khí sống một cách giả vờ như thế. Mỗi ngày nhận một cái tin của những thằng bạn bị thương và chết. A. đi Kampuchia về chỉ còn có một giò. H. bị một trái mìn đang lúc hành quân và đang được điều trị tại quân y viện Cần Thơ. Tôi lại đoán cũng là trái mìn nội hóa nữa. Bởi vì thân thể của H. bị lũng tùm lùm thì quả là trái mìn nội hóa của bọn nó. Ai biết được thứ mìn gì? Thứ mìn gì nó ngay mình không chết sao được. Cứ mong cho bạn chóng khỏi, cầm trên tay một cái giấy giải ngũ để về kiếm cơm nuôi vợ, nuôi con. Cho nên, cái tin tức vội vã đưa về cho biết tình trạng bị thương của H. như thế đã làm cho tôi quá quáng cả mắt. Thằng bạn 6, 7 năm rồi mới thoáng trông thấy hình bóng, chỉ hình bóng thôi. mà vẫn không thèm gọi lại... Bỗng dưng tôi ghét những cái gì đâm dáo, nhưng lại bắt tôi phải nhìn mãi, gặp mãi những trò đấm đá trong thành phố này. Sài Gòn không có chiến tranh sao? Sao bạn không thấy người ta đấm đá nhau trên hè phố Lê Lợi vào những buổi chiều lẩn chen ào ào, những người có cái may mắn nhỏ được ở lại hoặc được trở về cái đô thị này? Khi ấy những gần nặng cũng toa rập với lũ người này chích chéo loạn xạ trên những khoảng trống của con lộ ồn ào. «Này, anh đừng nên ghé lại chỗ đó mà phiền». Anh sẽ bị đổ máu mà tôi anh cũng không còn lấy một đồng xu nhỏ. Đồ đạc anh đeo trên người ấy chắc cũng không còn nữa đâu nhé...» Tôi nhìn ra đường, mỉm cười. Bà già trạc 60 đứng thập thò trong một tiệm uốn tóc gần đó nói như thế. Những người con trai, con gái choai choai qua lại huyết sảo làm như không nghe thấy gì. Một chiếc jeep chạy, thẳng chộp chộp dừng lại gần chỗ đám đông. Bất hết. Bất hết. Một người bạn áo lính chạy rã, nhét cái gì như một lọn giấy nhỏ vào tay người tài xế. Chiếc jeep chạy...

Bà già lắc đầu, đi vào. Đám đông nhốn nháo, ồn ào. Những người lính đứng xung quanh đang ra. Tôi thấy trên những khuôn mặt ấy chỉ lại, cặp mắt không một chút xanh, cặp môi thâm thẫm chết, cặp tay dẫu phía sau, rất kín. Linh từ xa hay về thành phố không phải vậy. Họ chỉ là một cánh chim xa, bay về đậu với chút hồng. Họ vẫn nghĩ chiến tranh đâu có ở trong thành phố. Chiến tranh chỉ xuất hiện đời sinh lý Đồng Tháp, nơi bóng tối U Minh, nơi dãy Trường Sơn lất ngất cây già, nơi những xóm thôn heo lánh mờ khuất trong những dãy tre thẳm tình giếng họ. Chiến tranh đâu có ở Sài Gòn... Nhưng chiến tranh ở đây vẫn có đấy. Chiến tranh từ bên kia lăng kính. Bên này, nhiều người ngồi cười ngất. Bà già biết có lộn xộn trở vào nhưng rồi không biết sao lại trở ra, đứng nguyên chỗ cũ, bụm hai tay lên mặt nhìn ra chỗ đám đông đang đánh đấm nhau tới bởi. Người thanh niên bị đâm ôm mặt khóc: Trả lại tiền tao, trả lại tiền tao. Đám đông tuân tự di chuyển qua những con phố khác. Được rồi, các bạn cứ có quyền buồn. Các bạn cứ buồn. Thành phố bây giờ còn như vậy đó. Các bạn cứ có quyền buồn. Chiến tranh bây giờ ở Sài Gòn vậy đó Δ

DƯƠNG TRƯ LA

THỜI SỰ nghe thuật

THÊM 1 CÁI NHÀ CỦA TA

Nghiep đoàn ký giả Nam Việt, của anh Hai, Nguyễn Kiên Giang vừa ra thông cáo về chuyện lập làng ký giả. Dĩ nhiên, mấy hôm nay đoàn viên đang rần rần lập hồ sơ xin mua nhà, vì đa số ký giả là ở nhà thuê. Vậy mới biết, ký giả nghèo đến mức nào, mong rằng anh Hai sốt sáng một chút cho anh em sớm có «cái nhà của ta»...

Nhơn đây lại nhớ đến chuyện làm của Nghiệp đoàn Ký giả Việt Nam, một năm về trước, cũng là chuyện «cái nhà của ta», gọi là làng báo chỉ nằm trên xa lộ. Đoàn viên cũng rầm rộ, lập hồ sơ đóng tiền rảo riết... rồi một năm qua, «cái nhà của ta» vẫn là cái nhà trong giấc mơ, thực tế không có gì cả.

Còn nhớ lúc nghiệp đoàn Ký giả Việt Nam còn trong trứng nước, đề chiêu dụ anh em, chiêu bài «cái nhà của ta» đã được đem ra treo lủng lẳng rồi... Có nhiều người nói, đây là một nhóm ký giả trẻ làm việc hăng, nhứt định, phải làm được... Được hay không... đến hôm nay, anh em hãy chờ...!

Đã gần 2 Nghiệp đoàn đều tính chuyện «cái nhà của ta», so về tuổi tác 1 bên già, 1 bên trẻ... thử xem già làm được, hay trẻ làm được?

Xin mách nước cho cả hai ông chủ tịch Nghiệp đoàn... nếu thấy không kham, học câu ca của mấy em nhỏ: «cái nhà là nhà của ta. Usaid, Usom lập ra,» chắc thế nào đoàn viên cũng có nhà sớm...!

ĐẾN CÁI MÒ CỦA TA

Nhớ lại lâu lắm rồi, thuở ký giả lão thành. Trần hướng Nhứt còn sống, một lần họ ông đặc cử chủ tịch Hội Ái hữu Ký giả: một trong những lời tuyên bố của ông khi nhậm chức chủ tịch là: sẽ mua đất làm 1 nghĩa trang ký giả.

Lúc ấy có rất nhiều người cười cho là ông già rồi, ông lo cái chỗ nằm trước!

Thương thay, khi ông mất đi, nghĩa trang ký giả vẫn chưa có!

Nhơn chuyện «cái nhà của ta», nhắc đến 1 chút «cái mồ của ta» gọi là tưởng nhớ đến một bậc đàn anh đã quá cố! Và cũng để thấy rằng, ký giả tranh đấu cho ai thì được, còn cho mình thì... miễn phê bình.

TÁC PHẨM MỚI CỦA HOÀI ĐIỆP TỬ

Một trong những nhà văn V.N. có xé hiện nay là Hoài Điệp Tử, và cũng là 1 trong những nhà văn gây

chú ý về phương diện quảng cáo tác phẩm là anh!

Còn nhớ những năm trước khi hai cuốn «Trái Cấm» và «Vùng Lầy» của anh xuất bản, nào bướm bướm, nào áp phít đầy trời Saigon, lại còn chiếu «lắc» cine nữa chứ! Một số anh em đã nói, mới nhia tưởng có một tờ báo nào sắp ra, chừng coi kỹ đó là tác phẩm của Hoài Điệp Tử.

Hiện tác phẩm mới của anh «Mặt trời mọc cho ai» đang lên khuôn hơn phân nửa rồi. Không biết kỳ này chương trình quảng cáo của anh như thế nào đây, có «rầm rộ», «sôi bùng» — những chữ dùng của Hoài Điệp Tử — nữa không? Hay «ném một cái nhìn» — văn chữ của anh — chờ xem!

Về phẩm của «Mặt trời mọc cho ai», đợi khi sách ra và đọc vài hàng giới thiệu của giáo sư Lý Chánh Trung, đủ rõ. Và cổ nhiên «Mặt trời mọc cho ai» vẫn do Sông Hậu xuất bản.

MỘT QUYỀN SÁCH TRÔNG ĐỢI

Nghe nói các bạn sinh viên đang đi gom tất cả những bài nói về cuộc tranh đấu của sinh viên trong năm nay lại để in thành 1 cuốn sách. Đa số những bài trong đó là của giáo sư Lý Chánh Trung, Linh mục Nguyễn Ngọc Lan, Dân biểu Ngô Công Đức, Dân biểu Hồ Ngọc Nhuận v.v...

Cuốn sách hẳn phải được nhiều người trông đợi. Có điều phần đông những bài viết của các tác giả trên lều đăng trên tờ nhật báo nào hầu hết đều bị tịch thu. Không biết khi gom lại thành sách có được Sở Phối hợp Nghệ thuật tha cho không? (e) khó quá!

Chờ coi vậy!

SANG TÊN «MẮNG SÉT»

Một ông chủ báo nọ đang bị năm ấp về tội làm tiền. Và theo qui chế báo chí, nếu tội của ông thành án, thì bị treo «măng sét» luôn.

Cho nên, vì sợ lẽ đó mà hiện giờ ông ta đang vận động sang tên «măng sét» lại cho vợ. Nếu chuyện này thành được, thì quả «đồng tiền vạn năng» và cái qui chế báo chí nên cắt vào bảo tàng viện cho rồi!

Tuy nhiên chuyện chỉ mới là bàn ra tán vào của anh em khi trả từ từ hậu, cũng không nên nói trước, rồi có thật vậy, bà con cho mình là cần mẫn, khó nhia mặt với nhau quá.

NHẠC CỔ ĐIỂN VN VÀ TÂY PHƯƠNG

Một chương trình trình tấu nhạc cổ điển VN và Tây phương của hai nhạc sĩ Vĩnh Tuấn và Fredrick Geissler vào hạ tuần tháng 11-70 do Trung tâm Văn hóa Hoa kỳ giới thiệu sẽ được trình diễn tại các nơi Huế — Đà Lạt — Đà Nẵng và Cần Thơ. Phần nhạc cổ điển VN do Vĩnh Tuấn độc tấu với hai loại đàn Tỳ bà và Đàn tranh. Nhạc sĩ Vĩnh Tuấn tốt nghiệp trường Quốc gia Âm nhạc Saigon hiện là giáo sư trường Quốc gia Âm nhạc Huế. Phần nhạc cổ điển Tây phương do 2 nhạc sĩ Vĩnh Tuấn (clarinet) và Fredrick Geissler (piano) hòa tấu. Nhạc sĩ Fredrick Geissler bắt đầu học piano từ năm lên 7 và cò đàn mộc khí trong những năm kế tiếp, tốt nghiệp đại học đường Virginia với

Văn bằng B.A. năm 1967 và M.A. năm 1968 về sáng tác và lý thuyết. Rất nhiều nhạc phẩm của ông được trình diễn tại miền đông nước Mỹ.

Chắc là những buổi trình tấu này sẽ được giới hâm mộ âm nhạc tại những địa phương trên hoan nghênh nhiều.

CHÚC THƯ CỦA 1 DÒNG SÔNG

Thi sĩ Tô nguyệt Điền, hoạt động văn nghệ rất lễ lo mà hăng say lắm. Anh sắp sửa cho ra thi phẩm thứ 6 của mình, nhan là «Chúc thư của 1 dòng sông» (tức Trường Ca những hàng mộ trắng); theo anh thi phẩm này nói về quê hương chiến tranh.

Thời buổi này mà dám ra đến tập thơ thứ 6 kể Tô nguyệt Điền cũng «gồng mình».

Nghe rằng, anh đang than vãn vì chuyện quân ngũ, thôi thì đành vậy họ Tô ơi, có ai ở quân ngũ mà không than đâu, nhất là những người sẵn có máu nghệ sĩ, thích tự do, bị gò bó là than trời như bọn rồi! Dầu sao cũng xin ai đó thương tình cho nhà thơ một chút!

HAI ĐÊM VĂN NGHỆ CHỐNG BÃO LỤT

Thứ Bảy và Chúa Nhật tuần qua ngày (14 và 15 tháng 11/70), một nhóm Nam Nữ Sinh Viên thuộc Hội Văn Hóa Duy Linh đã tổ chức hai đêm văn nghệ mệnh danh «Văn Nghệ Chống Bão Lụt» tại Hội Quán Phấn Thông Vàng. Số tiền thu được dùng vào công việc cứu trợ đồng bào nạn nhân bão lụt miền Trung.

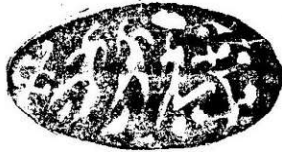
Trong chương trình Hòa sĩ Phạm Văn Hạng một nạn nhân của bão lụt đã nói chuyện với đề tài «Trà Khúc, Thu Bồn, sông Hương... và những từ thi vô thừa nhận». S u phần nói chuyện là phần trình bày thơ và nhạc của Jo Marcel Trường Duy, Tôn Thất Hải, Lê Uyên và Phương, Vũ Tiêu Giang, Huyền Anh, Nguyễn Hoàng Đoàn, Mai Hân, Xuân Thu, Thiên Thu, Cát Dung...

Thành phần tham dự hai đêm văn nghệ đa số những khuôn mặt trẻ. Chương trình văn nghệ khá, không khí ấm cúng và một công việc tổ chức lạc quyên đáng khen ngợi. (Trùng Thu.)

TRIỂN LÃM HỘI HỌA TẠI ĐÀ NẰNG

Hội nghiên cứu và Phát huy Văn hóa Đà Nẵng bảo trợ Triển lãm họa phẩm của các họa sĩ Vĩnh Phối — Tôn Thất Văn — Cao Bá Minh — Lâm quang Phước và Hoàng đăng Nhuận đã khai mạc hồi 16 giờ 30 ngày 18-11-70 (đến ngày 25-11-70) dưới sự chủ tọa của Đại Tá Thị Trưởng Đà Nẵng và sự tham dự đông đảo quan khách. Trong thời gian gần đây giới yêu chuộng «sắc màu» tại thành phố thương mại đang lên này không còn xa lạ tài năng của các họa sĩ trẻ như anh Tôn Thất Văn — Cao Bá Minh — Lâm quang Phước — Hoàng đăng Nhuận đã nhiều lần trưng bày và đạt nhiều kết quả tốt đẹp. Lần này các anh lại chung nhau thực hiện một phòng tranh mang ý nghĩa vô cùng cao quý: Cứu trợ nạn lụt. Thật hoan nghinh tinh thần

CUÔNG NHÂN



RẶN ĐI !!!...

(Thân gửi Trọng Đốp, nhân bài thơ «Bát Cơm Máu» của anh đăng tại Dân Chủ Mới số 171, ngày 21-11-70)

Bốc thổi lâu nay đã chán rồi!

Giờ đây thử món bốc thơm chơi!

Bốc anh Trọng Đốp dăm ba «quả»

Góp với làng nông nũa nư cười...

GÓP RẶN:

Khen ông khéo «rặn» ra thơ!

Hùng tâm, uất khí bốc mờ non sông

Thơ ông rực lửa thiêu nung

Làm cho chảy sắt tan đồng như chơi

Thơ ông mãnh liệt nghiêng trời

Đánh cho tan tác, toi bời quần gian

Thơ ông móc ruột, moi gan...

Những phường đớp bầy, ăn cần của dân

Thơ ông vang dội xa gần

Phạm luôn ông lớn, cóc cần nể ai

Nhưng... hình như vẫn kiềng oai...

Con chim, cái đĩa, vốn loài chịu chơi

«Chuồng Cu», nhẩy múa khơi khơi

Giờ chảy, ngựa cỡi, buồng lời nuốc nhơ

Sao ông vẫn chịu mần nơ

Hay ông đang rặn văn thơ nhiệm màu?

Mong ông hãy rặn cho mau!

Rặn ra cái món «hỏa hầu» nóng ran

Đốt cho lủ ngòm tiền tan

Teo CHIM, tốp ĐĨA, bong lán mặt trơ

RẶN ĐI !!! CHỜ ĐẾN BAO GIỜ... ?

tương trợ ngàn vàng. Một tác phẩm tuyệt vời nhất trong đời. Nghe đâu sau cuộc triển lãm hội họa này Bác sĩ Thái Lan, nhà văn Duy Lam (hội NCPHVH Đà Nẵng) đang xúc tiến tổ chức những sinh hoạt Văn Hóa khác như Văn Nghệ trình diễn... với sự tham gia của các văn nghệ sĩ thủ đô, cũng mang ý nghĩa chia cơm xẻ áo cho nhau trong cơn hoạn nạn. Mong sao dự tính này sớm thực hiện và chóng đạt thành công để bà con nhờ. (Thái ghi)

ĐÊM CA NHẠC NGÀY TRÒN THÁNG

Đêm 14-11-70 anh em Văn Nghệ Sĩ quán Văn cuối đường Đặng Dung Thành Nội Huế tổ chức đêm Ca nhạc kỷ niệm ngày tròn tháng với sự trình diễn của ban nhạc Célébataire với trên hai trăm thân hữu tham dự, bên ngoài một số đồng anh em yêu văn nghệ muốn vào mà bị kẹt đường. Quả là một buổi chơi nhạc qui mô. Ban nhạc trẻ này với những nét mặt đến hậu, vui tươi được cảm tình nhiều với khán thính giả, nhạc cụ tối tân, nghe đâu do một số mạnh thường quân yêu văn nghệ đứng ra thành lập và đặt tên Célébataire. Chủ quán đoàn Văn tăng cường thêm phần văn nghệ thân hữu của quán cho sớm trò, như chúng tôi được nhận diện là anh Lê Tha, Phạm thế Giảng sư Kỹ thuật và anh Trường Nguyễn người yêu văn nghệ chết bỏ khắp xứ thần kinh cũng lên làm một bản Tình Nghệ Sĩ của Đoàn Chuẩn và Từ Linh. Nghe đâu quán này đang chuẩn bị cho một chương trình Thi ca sắp tới để giới thiệu những viên ngọc Văn nghệ quý giá! (Thái Nguyên ghi). Δ

ĐẶNG TRẦN HUÂN

THÊM MỘT CUỐN SÁCH VỀ CHIẾN TRANH VIỆT NAM

Cuốn sách có nhan đề Nuremberg và Việt Nam, thăm kịch Hoa Kỳ (Nuremberg and Việt Nam: an American tragedy) dày trên 200 trang do nhà Quadrangle xuất bản.

Tác giả là giảng sư luật khoa tại đại học đường Columbia, ông Telford Taylor, năm nay 62 tuổi. Là một luật sư đồng thời mang cấp bậc thiếu tướng trong Quân Lực Hoa Kỳ, sau khi thế chiến thứ hai chấm dứt, ông Telford Taylor đã từng là chủ tịch ủy ban tư pháp trong các phiên xử tội nhân chiến tranh tại Nuremberg.

Trong cuốn sách mới phát hành, Taylor đã mang kiến thức luật học của ông cùng những kinh nghiệm tại Nuremberg để phân tích cuộc chiến tranh tại Việt Nam.

Sau khi kiểm điểm các sự việc và tài liệu từ quyết định oanh tạc Bắc Việt sau vụ tàu Maddox căn nhắc hiến pháp Hoa Kỳ, hiến chương Liên Hiệp Quốc v.v..., tác giả cho rằng hành động tham chiến của tổng thống Johnson là hợp lý hợp tình.

Nhưng sau đó khi kể tới các vụ tàn sát thường dân vô tội nhất là vụ Mỹ Lai, tác giả cho rằng hình như người Mỹ đã phạm những tội ác và đáng kể là những phạm nhân chiến tranh; người Mỹ đã vi phạm quy ước Genève và quy chế quân đội năm 1956.

Kết luận, Taylor đã nhắc lại trường hợp tướng Nhật Tomayuki Yamashita trong kỳ thế chiến hai đã ra lệnh tàn sát thường dân vô tội tại Phi Luật Tân sau khi thất trận bị tòa án Mỹ kêu án tử hình. Ông Telford đề nghị bây giờ Mỹ cũng nên thiết lập một tòa án để xét các tội nhân chiến tranh tại Việt Nam.

Tóm lại, cuốn sách Nuremberg and Việt Nam, an American tragedy là một cuốn sách Mỹ bất lợi người Mỹ.

NỮ HOÀNG ANH KHỎA THÂN

Thành phố Vienne (Ý Đại Lợi) chưa phải là đất dung thân của những loại ca vũ nhạc tào bạo giật gân diễn tả bởi nam nữ tài tử trần trường như loại Oh Calcutta!

Thế mà vừa rồi hình ảnh một người đàn bà khóa thân đã được công khai phổ biến tại Vienne. Người đàn bà lại là một nhân vật quốc tế nổi tiếng, nữ hoàng Elizabeth II của Anh quốc. Bà nữ hoàng ngọt ngào

tuần này đã hiện trên một bức tranh của Roland Pleterski không mảnh vải che thân và bức tranh được in lại trên tờ báo lớn của Ý, tờ Express.

Điều này chắc không làm hài lòng bà hoàng Anh Cát Lợi. Trái lại với họa sĩ Pleterski, thì ông cho việc ông vẽ nữ hoàng Elizabeth không quần áo chứng tỏ lòng ái mộ của ông đối với thân mẫu của cậu Charles và cô Anne.

Pleterski tuyên bố:

— Sở dĩ tôi chọn nữ hoàng Elizabeth mà không chọn một người đàn bà khác như Jackie Onassis chẳng hạn, vì bà đẹp, duyên dáng và quan trọng hơn.

TẬT RIÊNG CỦA NHÀ VĂN LỚN

Cuốn Maurice của cổ văn hào Anh Cát Lợi E.M. Forster, là cuốn tiểu thuyết thứ sáu của ông và cũng được coi như một biến cố trong văn giới quốc tế. Viết xong Maurice từ năm 1913, nhưng E.M. Forster đã từ chối không chịu cho ấn hành, ngay cả sau khi ông đã chết. Theo ông W.J.H. Spott, người được Forster ủy thác về các tác phẩm của mình, thì Forster sợ cuốn Maurice sẽ gây nên một vài dư luận lời thời nên ông không muốn nó ra đời.

Nay Forster đã chết. Di chúc của ông không được tôn trọng là bao và Maurice ra đời. Dư luận bắt đầu bàn tán cho Maurice là một cuốn tiểu thuyết lấy đồng tính luyến ái làm chủ đề và người thích đồng tính luyến ái chẳng phải ai xa lạ mà chính là đại văn hào Forster.

Trên một số phát hành mới đây của tạp chí Encounter, ông P.N. Furbank khi viết về cuộc đời và sự nghiệp của Forster cũng đề lại tật đồng tính luyến ái của nhà văn này.

Người ta cũng không thể kết luận cái tật của Forster là xấu hay là tốt. Bởi vì trên đời có cái gì tuyệt đối với thời gian, kể cả luân lý, chân lý do con người tạo ra.

Chỉ biết đó là một sự kiện có thật. Như những sự kiện có thật liên quan tới những nhà văn thơ khác như tật sợ vợ của Tolstoi, của Khổng tử, tình trạng không ngoại thân của Tư Mã Thiên văn vãn...

MISHIMA Yukio hiện là một trong mấy nhà văn nổi tiếng và có nhiều triển vọng nhất của Nhật Bản. Tốt nghiệp đại học Tokyo năm 1947, cho đến nay ông đã xuất bản 12 cuốn tiểu thuyết, một số kịch phẩm, nhiều đoản thiên tùy bút và du ký. Năm 1954 cuốn *Shiosai* (Triều Táo) ra đời đã đem về cho ông giải thưởng văn chương Shinchosha; hai năm sau bản dịch cuốn này xuất hiện ở Mỹ mang tên *The Sound of Waves*, đã được đại nhật báo *New York Times* giới thiệu nồng nhiệt.

Bước vào văn giới sau Nakano Shigeharu (1902—), Kobayashi Takigi (1903—33), Miyamoto Yuriko (1899—1951), Hirabayashi Taiko (1905—), Ishikawa Tatsuzō (1905—), Shimaki Kensaku (1903—45), Takeda Rintarō (1904—46), Hino Ashihei (1902—), Akutagawa Ryūnosuke (1892—1927), Niwa Fumio (1904—), Daazai Osamu (1909—48), nhất là hai hiện tượng Nagai Takashi (1903—51), Kawabata Yasunari (1899—) cũng như hai vị tiền bối Mori Ōgai (1862—1922), Tanizaki Jun-ichirō (1886—) những người đã trực tiếp ảnh hưởng đến Mishima, và sáng tác đồng thời với Noma Hiroshi (1915—), Ōoka Shōkei (1909—), Takeda Taijun, Shūna Rinzō, Haniya Yūkō, song Mishima Yukio luôn luôn tỏ ra có khả năng và sắc thái đặc biệt. Riêng với *Kinshoku* (Cẩm Sắc), *Ainokawaki* (Khát Vọng Yêu Đường) và nhất là *Kinkakujū* (Kim Các Tự) ông đã thực sự chinh phục được độc giả thuộc đủ mọi giới, tuy vậy, nhà văn học Roger Bersihand trong cuốn *La Littérature Japonaise* (1956) vẫn viết: “Văn si trẻ này còn đi xa nữa.”

Kim Các Tự, xuất bản năm 1959 đến nay đã tái bản trên mười lần có hàng chục triệu độc giả, đã tạo uy danh cho tác giả không những trong văn giới Nhật Bản mà còn cả Âu châu và Bắc Mỹ nữa.

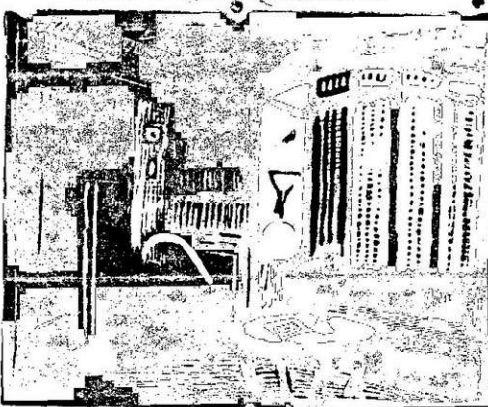
Hiền nhiên, ở đây, Mishima đã dùng phần tâm học để xây dựng nhân vật, dựa vào một thắng tích lịch sử để hình thành tác phẩm mà chủ đề cơ bản là sự say mê cái đẹp đến cuồng loạn chỉ muốn phá hủy, tiêu diệt, lấy xã hội Nhật Bản — tiêu biểu là thành phố Kyoto — hồi cuối đệ nhị thế chiến làm bối cảnh trong đó mọi thành phần, mọi giai cấp, mọi khuôn mặt của dân tộc Phù Tang khi hùng hổ gây chiến cũng như lúc nhục nhã đầu hàng, một khuôn mặt tím bầm, tan nát vì chiến tranh xuất hiện lúc tỏ lúc mờ, khi ẩn khi hiện trong bầu không khí hiện thực pha mùi chàm biếm.

Nhờ thế, *Kim Các Tự*, vừa có giá trị cực kỳ vừa có ý vị nhân bản, đã thỏa mãn, lôi cuốn độc giả cả ở trong lẫn ngoài nước.

Dù khó tính, thiên vị hoặc có thành kiến, độc giả cũng như phê bình gia Âu Á, Đông Tây rồi ra cũng phải thừa nhận tiểu thuyết này là một đại danh tác có cả chiều sâu lẫn chiều rộng, nhờ biết kết hợp phần tâm học với Thiên lý mà chỉ một ngôi bút, một tâm hồn từng được nuôi dưỡng lâu đời trong nguồn tư tưởng Phật giáo, dù là Phật giáo của giới tan tã Nhật Bản mới có thể thực hiện nổi.

MISHIMA YUKIO

(1925 — 1970)



ĐỒ KHANH HOAN

MISHIMA YUKIO KHÔNG CÒN NỮA

ĐÊM nay, sau khi hay tin qua lán sóng điện đài B.B.C. Luân Đôn, tôi vội viết những dòng này để qua không gian, vĩnh viễn tiễn đưa linh hồn Mishima Yukio về bên kia thế giới và đồng thời bày tỏ mối cảm hoài đột ngột nhưng day dứt của riêng tôi đối với cái chết của ông.

Tôi cần nói ngay là trong khi viết, tôi không hề máy may có ý nghĩ “thấy người sang bắt quàng làm họ” với một văn hào — mà văn giới quốc tế vẫn cho là sẽ đoạt giải thưởng văn chương Nobel vào năm tới — đã tự ý chọn lựa một cái chết oai hùng, quá cảm.

Lúc đang theo dõi bản tin, tôi đã cảm thấy lòng dạ bồi hồi, sừng sốt, một cảm xúc khó xác định như trước đây khi sống ở Mỹ năm 1961, một buổi sáng tôi đã có khi hay tin văn hào Hemingway dùng súng để tự tìm đường xa lánh cõi đời. Sừng sốt, vì Mishima Yukio đã lấy gương mổ bụng tự vẫn sau khi dẫn một đoàn thanh niên mặc binh phục cũ của quân đội Thiên Hoàng đến một tổng hành dinh quân đội ở Tokyo, bắt trời viên tướng chỉ huy lại, rồi ra thuyết trình trước 2500 quân nhân Nhật Bản để tố cáo trước quần chúng sự thối nát chính trị đã và đang tràn ngập, lung đoạn, đe dọa quốc gia, đe dọa động với những người đứng nghe ông nói rằng Nhật Bản đang bị các sinh viên tả phái phá hoại, tinh thần quân đội Nhật Bản đã suy sụp, rằng sự giàu có, tiến bộ, sung sướng hiện tại của Nhật Bản là giả tạo, không bền vững, rằng hùng khí xưa kia của dân tộc không còn nữa. Điều cần thiết là phải làm cho hùng khí ấy sống lại. Muốn vậy, phải đặt lại vấn đề giáo dục, phải phục hưng quân đội Thiên Hoàng như thời tiền chiến. Thực ra, dưới mắt ông, qua vẻ hào nhoáng bề ngoài, xã hội Nhật Bản bây giờ đang chứa đựng bên trong nhiều ung nhọt, nhiều thối tha, nhiều mâu thuẫn. Địa vị oai hùng của dân Phù Tang đã mất khi quân Mỹ đặt chân lên xứ sở, giá trị tinh thần cổ truyền đã băng hoại mất rồi. Mishima Yukio đã từng tổ chức một đoàn thể thanh niên theo kỷ luật khắc khổ và chủ trương cực đoan của Võ sĩ đạo thời trước. Khi Mishima Yukio mổ bụng và hấp hối chính một thanh niên trong đám môn sinh do ông huấn luyện và lãnh đạo, theo truyền thống Võ sĩ đạo, đã dùng gươm chặt đầu ông lia khỏi thân mình. Và một trong những môn đồ đó cũng đã mổ bụng tự vẫn chết theo ông...”

TRONG khoảnh khắc, biết bao ý nghĩ vẫn ngập tràn đầu óc tôi. Ưông! Phì! Tiếng quát! Mới bốn mươi năm tuổi đầu sao đã vội chết trong khi chưa thể chết, chưa cần chết và chẳng nên chết. Ước chi Mishima Yukio sống thêm một thời gian bằng thời gian ông đã sống để sáng tác đều đều, khai triển thêm những chủ đề, những công án để từng phụ diễn trong các tác phẩm trước. Và ước chi một khi đã dẫn thân vào chính trị, Mishima Yukio đừng chọn con đường cực hữu, vì quá khứ của dân tộc ông đã chứng minh là chính đường lối cực đoan đó đã đưa đất nước ông đến thảm trạng ngày nay. Bây giờ, con đường ấy là con đường đi xuống; nó chạy ngược chiều bánh xe tiến hóa của lịch sử và nhân loại.

Tuy nhiên, con người của ông, cái chết của ông và nhất là những tác phẩm của ông còn đây. Tất cả buộc mình phải nói tới, dù mình có quan niệm, lập trường thế nào đi nữa.

Tôi viết những dòng này không phải để khâm thương ông, vì khâm thương là giả dối, là không hợp cách, cũng không phải để ca ngợi ông, vì ca ngợi là thừa, mà cũng chẳng phải để chỉ trích ông, vì làm như vậy là khiếm nhã với người quá cố. Tôi xin minh định. Tôi viết là vì tôi tự nhận có một chút duyên gặp gỡ liên hệ với Mishima Yukio, mặc dù ông chưa hay biết gì về sự liên hệ này.

Số là, nhà xuất bản AN TIÊM đang in cuốn *Kim Các Tự*, một kiệt phẩm của ông do tôi và anh Nguyễn Tường Minh dịch. Đáng lẽ cuốn truyện đã ra đời từ trung tuần tháng mười một; nhưng vì quá nhiều việc, đến nay tác giả không còn nữa, nhà in vẫn chưa in xong, mặc dù chúng tôi đã chờ nhiều lần hồi thúc. Chúng tôi muốn cuốn sách ra đời càng sớm càng tốt để có dịp giới thiệu cùng độc giả một văn tài và một giai tác. Đồng thời, như chúng tôi đã định tâm, để bày tỏ lòng cảm tạ đối với tác giả, chúng tôi sẽ gửi sang biếu ông dịch phẩm mà chúng tôi đã hoàn tất.

Thế nhưng cả hai điều mong muốn đều không được toại nguyện. Càng sừng sốt khi nghe tin ông chết bao nhiêu thì tôi lại càng buồn bực bấy nhiêu. Buồn bực vì tác phẩm của ông mà chúng tôi đang phiên dịch và ấn loát ở đây chưa kịp đến chào ông thì ông đã thành người thiên cổ!

Tất nhiên, cái chết của ông đã gây xúc động mạnh mẽ và ngạc nhiên to lớn cho văn giới quốc tế, đau thương cho gia đình cũng như bằng hữu và đồng chí của ông. Một vì sao trên vòm trời văn nghệ Nhật Bản đã tắt. Một cây bút Á Đông hiếm có, trẻ tuổi, đầy hứa hẹn không còn nữa. Một lãnh tụ ái quốc cực đoan đã nằm xuống. Hơn thế, cái chết của ông hẳn sẽ tạo nên một khoảng trống to lớn trong làng văn Phù Tang; khoảng trống ấy, ai cũng có thể đoán trước, không dễ gì một sớm một chiều mà lấp kín được.

Kể từ đây người ta có thể nghĩ ngợi, giãi thích cái chết của ông theo lập luận, quan điểm riêng tư khi đọc hoặc nghiên cứu tác phẩm của ông. Nhưng, hiền nhiên, ông đã có lý lẽ, quan niệm riêng biệt để chấp nhận một cái chết bi phẫn. Bằng việc lựa chọn một cái chết theo lối này, vào lúc này, ông muốn làm sống lại ngọn lửa tinh thần thiêng liêng đã từng bùng bùng cháy nhưng nay gần như tắt lụi trong tâm hồn dân tộc ông.

Sống chết là lẽ thường. Song lẽ, biết chọn cái chết, hơn thế nữa biết chọn cái chết để làm một (xem tiếp trang 16)



LỜI GIỚI THIỆU CỦA NGƯỜI DỊCH

HENRY MILLER là một tác giả lớn nhất của văn chương Hoa Kỳ — và thế giới — hiện đại. Rimbaud là một nhà thơ vĩ đại nhất của văn chương Pháp — và thế giới — thế kỷ 19 và những thế kỷ kế tiếp, chúng nào còn có thơ, nghĩa là chúng nào còn có khát vọng về sự kỳ diệu và phiêu lãng. "Type" Rimbaud, theo Henry Miller, sẽ dần dần thay thế type Faust và Hamlet. Rimbaud và Miller, kẻ trước người sau, nối tiếp giờ cao ngọn lửa thiêng soi tỏ đường vào Thiên Đàng Trần Gian. « Trong ngôn ngữ tượng trưng của tâm hồn, » Henry Miller viết « Rimbaud mô tả tất cả những gì hiện đang xảy ra ngày hôm nay. Theo ý tôi, không có chút tương phản nào giữa viễn tượng của chàng về thế giới và cuộc sống vĩnh cửu với viễn tượng của nhà cải cách tôn giáo vĩ đại. Chúng ta được khích lệ đi khách lệ tại nhiều lần sáng tạo một viễn tượng mới về thiên đàng và trần gian, bắt đầu lại lần nữa, để người chết chôn người chết, sống như huynh đệ ruột thịt, biến Giáng Sinh trên trần gian thành một thực tại. Và liên tiếp chúng ta được cảnh tỉnh rằng trừ phi ước vọng về một cuộc sống mới trở thành một xác tín sinh động cho mỗi và tất cả mọi người chúng ta, cuộc sống trần gian không bao giờ có thể là gì hơn một Lò Luyện Tội hay một Địa Ngục. Một vấn đề và vấn đề duy nhất đối đầu với chúng ta là — chúng ta có thể trì hoãn cái không thể tránh được bao lâu nữa ? »

Cái không thể tránh được ấy là gì ?

Không có một ngôn ngữ nào phổ cập bằng thi ca vì thi ca là « tiếng nói của dân gian » (*Stimme des Volkes* (1)). Ước vọng của Rimbaud là tìm cho ra một thứ ngôn ngữ phổ quát đại đồng. Đó cũng là ước vọng của tất cả mọi thi sĩ. Nhưng tại sao người thi sĩ hôm nay lại làm thơ bằng những lời bí hiểm ?

« Địa vị và tình cảm của thi sĩ — (...) — hiển nhiên phát lộ trạng thái đích thực của sức sống của một dân tộc. « Henry Miller nhận định. Và vì lần lượt tất cả các nền văn minh sẽ sinh ra họ nhất định lao đầu xuống dốc. »

Không có một thời đại nào mà đời sống của thi sĩ bị đe dọa như ngày nay, thi ca bị phá giá như ngày nay. Chúng ta đang sống trong **THỜI CỦA NHỮNG KẺ GIẾT NGƯỜI**. Chính trị hiện đang nằm trong tay bọn gangsters. Quân mọi rợ Vandale chuyên hủy hoại những công trình nghệ thuật đã tới.

(1) Cf. Heidegger, Qu'est-ce que la Métaphysique, Gallimard, 1951, p. 249

Chúng tôi từ hai bên thế giới. Chúng tôi cùng với những truyền trình thám sát nhân rệp tiền. Chúng tôi cùng với những cuốn thơ tuyên truyền khất máu còn rệp tiền hơn nữa. Chúng tôi cùng với một thiên đàng ướp lạnh. Chúng tôi cùng với một thiên đàng sưởi ấm bằng lửa hận thù. Trong hoàn cảnh đó, làm thế nào cứu vớt thi ca, làm thế nào hiện lộ những viễn tượng của thi nhân, làm thế nào sáng tạo những viễn tượng mới về Thiên Đàng và Trần Gian, làm thế nào thể hiện Thiên Đàng Trần Gian ?

Đó là đối tượng của thiên khảo cứu này. Δ N.H.H.



PHẦN L

đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu

CHÍNH vào năm 1927, trong tầng lầu chìm dưới mặt đất của một ngôi nhà tối tăm dơ dáy ở Brooklyn mà tôi được thấy tên tuổi Rimbaud được nhắc đến lần thứ nhất. Lúc ấy tôi ba mươi sáu tuổi và đang ở trong Mùa Địa Ngục dài đằng đằng của riêng tôi. Một cuốn sách rất lý thú về Rimbaud đang nằm đầu đó trong căn nhà nhưng tôi chẳng hề ngó nghiêng tới một lần. Nguyên do là bởi tôi ghê tởm người đàn bà chủ nhân cuốn sách lúc ấy đang sống với chúng tôi. Trong vẻ mặt, tính tình và cử chỉ của nàng, như sau này tôi khám phá thấy, hơi giống Rimbaud như người ta có thể tưởng tượng.

Như tôi đã nói, đầu Rimbaud là tất cả đề tài câu chuyện mất thì giờ giữa Thelma và vợ tôi, tôi không cố gắng tìm hiểu chàng. Thực ra, tôi chiến đấu điên cuồng để đẩy chàng ra khỏi tâm trí tôi, dường như đối với tôi lúc đó chàng là một thiên tài xấu xa vô tình gây cho tôi mọi phiền nhiễu và khổ cực. Tôi thấy rằng Thelma, người mà tôi kính mến, đã đồng hóa với chàng, hết sức bắt chước chàng, không những chỉ trong hành vi mà cả trong lối thơ nàng viết. Tất cả mọi hiệp lực âm mưu để khiến tôi cự tuyệt tên tuổi, ảnh hưởng, ngay cả cuộc đời chàng. Lúc đó tôi

đang ở bậc thang thấp nhất trong toàn thể nghề nghiệp tôi, tinh thần tôi hoàn toàn tan tác. Tôi còn nhớ tôi ngồi trong tầng lầu âm lạnh dưới mặt đất cố viết dưới ánh đèn cây leo lét bằng một cây bút chì. Tôi đang cố gắng viết một vở kịch miêu tả tấn thảm kịch của chính tôi. Không bao giờ tôi vươn lên nổi quá hồi thứ nhất.

Trong trạng thái tuyệt vọng và kiệt quệ đó dĩ nhiên tôi-hoài nghi đến cùng cự thiên tài của một thi sĩ mười bảy tuổi. Tất cả những điều tôi nghe nói về chàng có vẻ như một chuyện bịa đặt của mỹ Thelma điên khùng. Lúc đó tôi đã đi đến chỗ có thể tin rằng, với chuyện bịa đặt đó, mỹ có thể cầu đảo những cách hành hạ tể nhị đề reo rắc tai ương sâu nào cho tôi, bởi mỹ cũng ghét tôi nhiều như tôi ghét mỹ. Cuộc sống mà ba chúng tôi đang sống lúc đó, và tôi kể dài dòng trong *Đống Đỉnh Mầu Hồng*, giống như một đoạn trong truyện của

NGHIÊN CỨU VỀ RIMBAUD

của
HENRY MILLER

nguyễn hữu hiệu
dịch

Nếu thời kỳ ở Brooklyn đó tương trưng Mùa Địa Ngục của tôi, thì thời kỳ Paris, nhất là từ năm 1932 đến 1934 ; chính là thời kỳ **Thần Cầm** của tôi vậy.

Đem tác phẩm Rimbaud ra thảo luận vào thời kỳ này, khi chưa bao giờ tôi phong phú, hân hoan, phấn khởi như thế, tôi phải gạt chàng ra ngoài, đối với tôi sáng tác phẩm của tôi còn quan trọng hơn. Chỉ liếc qua văn phẩm của chàng là tôi biết ngay cái gì đang nằm trong kho phần tôi. Chàng là cốt mìn thuần túy, nhưng trước hết tôi phải lạng cây gậy của tôi. Vào thời gian đó tôi không biết chút chi về cuộc đời chàng trừ từng đoạn rời Thelma mà đã làm vương vãi những năm về trước. Tuy nhiên tôi cũng phải đọc đôi dòng tiêu sử chàng. Đó là vào năm 1943, trong khi sống lại Beverly Glen với Johna Dudley, họa sĩ, lần đầu tiên tôi đọc về Rimbaud. Tôi đọc *Mùa Địa Ngục* của Jean — Marie Carré, kẻ đó tác phẩm của Enid Starkie. Tôi sẽ điếng lạng cảm. Dường như chưa bao giờ tôi đọc thấy một cuộc đời nào bị trề ếm khủng khiếp như cuộc đời Rimbaud. Tôi hoàn toàn quên tất cả mọi nỗi thống khổ của tôi, trầm trọng hơn nỗi thống khổ của chàng rất nhiều. Tôi quên những thất bại và nhục nhã tôi đã chịu đựng, những vực thẳm tuyệt vọng và bất lực mà thường xuyên tôi quị xuống. Giống như Thelma ngày xưa, tôi cũng không thể nói gì ngoài Rimbaud. Tất cả mọi người đến nhà đều phải nghe bài ca Rimbaud.

Mãi tới ngày nay, mười tám năm sau khi nghe tên chàng lần thứ nhất, tôi mới có thể thấy rõ đọc chàng như một tiên tri đầu thị. Ngày nay tôi mới biết sự đóng góp của chàng vĩ đại nhường nào, những nỗi đau khổ của chàng kinh khủng nhường nào. Ngày nay tôi mới hiểu ý nghĩa của cuộc đời và tác phẩm chàng — đến cao độ, nghĩa là, đến mức độ mà người ta có thể tự hào mình hiểu cuộc đời và tác phẩm của kẻ khác. Nhưng điều tôi nhìn thấy rõ rệt nhất là tôi đã thoát khỏi cái định mệnh ty tiện dề hèn tương tự một cách kỳ diệu thế nào.

Rimbaud cảm nghiệm cơn khủng hoảng của chàng năm mười tám tuổi, tôi phút giây đó trong đời chàng, chàng đã đi tới sát biên giới của cuồng dại; từ điểm đó trên cuộc đời chàng là một sa mạc mênh mông. Tôi biết cơn khủng hoảng của tôi vào tuổi ba mươi sáu tới ba mươi bảy, tuổi mà Rimbaud chết. Từ điểm đó trên đời tôi bắt đầu nở hoa Rimbaud từ văn chương quay về cuộc sống, tôi làm ngược lại. Rimbaud chạy trốn

(xem tiếp trang 14)

SƠ THẢO: 15 NĂM VĂN XUÔI MIỀN NAM:

BÁCH KHOA là tờ tạp chí kỳ cựu nhất trong làng báo miền Nam. Chúng ta có thể tạm chia thành 2 giai đoạn tiến triển của nhóm Bách Khoa: Từ 1957 đến 1963 là giai đoạn phôi thai của nhóm với những nhà văn tiên phong như Võ Phiến, Vũ Hạnh, Nguyễn Hiếu Lễ, Lê Văn Siêu..., từ 1963 đến nay là giai đoạn phát triển và kết nạp thêm nhiều nhà văn trẻ khác đến sau như Y Uyên, Lê Tất Điều, Đỗ Tiến Đức, Nguyễn Thị Hoàng. Cũng trong thời kỳ đầu phải nên kể đến Tạp chí «MAI» là tờ báo có nhiều liên hệ đến nhóm Bách Khoa... Sau Cách Mạng, tờ BK tiếp tục dưới cái tên mới là «Bách Khoa Thời Đại», với sự thay đổi trong vai trò chủ nhiệm, chính từ đó đánh dấu giai đoạn khám phá những tài năng mới cũng trong một khuynh hướng chung.

Như cái danh xưng chung của nhóm, nhóm BK quy tụ nhiều nhà văn thuộc nhiều lãnh vực như sáng tác, biên khảo, dịch thuật, bình luận v.v... Do đó, tác phẩm của họ cũng có tính chất bác học và đa diện như vậy. Về mặt văn xuôi tiểu thuyết, Võ Phiến là nhà văn nổi bật của nhóm và cũng là một trong những nhà văn đặc sắc nhất của miền Nam. Bên cạnh đó còn có Võ Hồng, một nhà văn tâm lý êm đềm và gợi cảm rất xuất sắc trong những truyện ngắn. Vũ Hạnh không tiến triển mấy về nghệ thuật tiểu thuyết nhưng tỏ ra sâu sắc và rất tinh tế trong những tác phẩm phê bình văn học. Đặc tính chung rất dễ nhận thấy của các nhà văn trong nhóm này là khuynh hướng văn chương nhiều tính chất dân tộc và thôn quê của họ. Đề tài thường được ưng ý nhất là những đề tài hướng về những giai tầng xã hội thấp kém và hèn mọn nhất, về đời sống ở làng xóm, những nhân vật quê mùa, nếp sinh hoạt bình dị ở các thôn ấp xa xôi, chiến tranh và hòa bình ở những nơi xa thành phố... Những tác phẩm loại này thường chú trọng về nghệ thuật phân tích tâm lý nhất là phân tích những nét tâm lý nhỏ nhặt, đơn sơ của những nhân vật sống mà không cần bàn khoăn gì đến tâm lý của mình; những nhân vật nhà quê chất phác và hồn nhiên, giọng văn thường được xữ dụng ở đây đều tôn trọng về giản dị, đơn sơ đến mức tối đa, thường giới hạn trong một mức độ chừng mực trung bình không bao giờ tỏ ra quá phóng túng hay lãng mạn tào tạo nhiệm nhiều tính chất Tây phương không thích hợp với tâm hồn hiền hòa nhân hậu của người Việt. Trong sự mực thước và ôn hòa, những nhà văn này đã tự giới hạn phạm vi tiến triển của văn chương mình theo bề rộng nhưng đồng thời ngược lại, họ đã đạt đến một trình độ phân tích tâm lý theo bề sâu rất tế nhị và tinh vi. Đó là cái đặc tính văn chương rất sâu sắc và đậm đậm độc đáo dành riêng cho các nhà văn nhóm này. Nhóm BK đa số là người miền Trung nên có một đặc điểm khác là bối cảnh và không khí tác phẩm của họ thường thường đều rất gần gũi với miền Trung 1 đặc tính trái ngược hẳn với nhóm SÁNG TẠO?

Ảnh hưởng của nhóm BK cũng với sự hiện diện liên tục của tờ tạp chí là một ảnh hưởng thâm trầm và lâu dài. Các nhà văn trong nhóm rất ít khi có những hoạt động văn nghệ táo bạo mạnh mẽ cũng không gây nên những phong trào hay hiện tượng văn nghệ nào có tác dụng gây tiếng vang phất thời để tự quảng cáo cho mình nhưng ngược lại họ luôn luôn duy trì được một tình trạng sáng tác đều đặn và bền bỉ, luôn luôn có mặt thường xuyên trong mọi giai đoạn thăng trầm của văn

chương miền Nam, luôn luôn đóng góp nỗ lực của mình trên nhiều lãnh vực sáng tạo và sẵn sàng lên tiếng trước những biến cố thời đại. Tinh thần hoạt động của nhóm BK do đó đã tìm được sự thích ứng với nhiều giai tầng trong xã hội; đã đạt được một sự ủng hộ chắc chắn và lâu dài của nhiều giới độc giả khác biệt nhau về tuổi tác, địa vị hay kiến thức. Tiếng nói của nhóm BK là một thứ tiếng nói tuy nhỏ nhẹ và âm thầm nhưng lại có một hiệu lực gây cảm tình sâu rộng và bền bỉ. Nói một cách hợp thời hơn thì nhóm BK tạo được một ảnh hưởng lớn đối với giới độc giả thuộc «đa số thâm lặng» trong quần chúng VN. Cũng có thể nói đây là nhóm văn nghệ sĩ đã đạt được một sự dung hòa thật tốt đẹp giữa mục đích phổ biến kiến thức bác

khoa bình dân và mục đích sáng tác văn chương thuần túy cũng như khuyến khích và thúc đẩy mọi hoạt động sáng tác trong giới độc giả. Tình trạng điều hòa và quân bình lý tưởng này ngoài nhóm BK ra chưa có một nhóm văn nghệ nào ở miền Nam đạt được vì nhóm văn nghệ nào cũng thiên về một trong hai xu hướng hoặc là chỉ phổ biến kiến thức bác học hoặc là chỉ thuần túy sáng tác văn chương mà thôi như trường hợp nhóm Sáng Tạo thì chú trọng về sáng tác trong khi nhóm «Phổ Thông» hay «Thời Nay» lại chỉ nhằm 1 mục đích trình bày và phổ biến những kiến thức bác học cho giới độc giả trung bình. Với những lý do thành công đặc biệt đó, nhóm BK là nhóm văn nghệ sĩ kết hợp chắc chắn nhất từ trước tới nay và có rất nhiều hy vọng sẽ vẫn còn tồn tại lâu dài trong tương lai.()



võ phiến

TRUYỆN CỦA MỘT NGƯỜI NHA QUÊ

CÓ THỂ căn cứ vào những câu văn như sau đây của Võ Phiến — đoạn kết của một trong những truyện ngắn hay nhất của ông — để rút ra những nhận xét tổng quát về toàn thể sự nghiệp văn chương của ông: «Tôi muốn kể chuyện đầu bè của xóm tôi nhưng quả rằng xóm quê tôi tầm thường chẳng phải là nơi linh địa. Cho đến những điều đầu bè cũng tầm thường nhạt nhẽo, chẳng thành chuyện ra hồn. Chỉ nghe một cái gì buồn rã rích như từng giọt từng giọt của trận mưa dai dẳng kéo dài, kéo dài qua... qua, cái gì? Qua suốt mười mấy năm dài chưa dứt số?» (Đêm Xuân Trăng Sáng, truyện ngắn, Nguyễn Đình Vượng xb, 1961: Về Một Xóm Quê). Đoạn văn trên đã thấu tóm một cách gọn gàng và đầy đủ tất cả những đặc điểm nổi bật của văn chương Võ Phiến, một nhà văn kỳ cựu đã chính thức bước vào nghề văn từ những năm đầu tiên của nền Đệ Nhất Cộng Hòa miền Nam. Từ đó đến nay ông đã sáng tác đều đặn và thậm trọng với trên mười tác phẩm truyện ngắn truyện dài đã cho xuất bản. Tất cả những tác phẩm đó dù được hiện dưới bất cứ hình thức nào cũng đều nằm gọn trong cái dòng văn mà tác giả tự mệnh danh là «kể chuyện đầu bè về một xóm quê» — xóm quê của chính tác giả. Từ đoạn văn được trích dẫn tiêu biểu trên người ta có thể rút ra những đặc điểm sau đây:

— Đề tài Văn chương chính yếu nhất ở đây là đề tài hướng về những giới dân đã chất phác hiền lành sống ở các miền quê VN.

— Những đề tài đó được đặc biệt khai thác giữa cái khía cạnh tâm thường vô vị của một nếp sống ôn hòa, thâm lặng nhưng đó cũng là một khía cạnh chân thực và tẻ nhạt.

— Nghệ thuật mô tả tâm lý tình cảm ở đây là một nghệ thuật phân tích tâm lý tỉ mỉ, tinh vi và duyên dáng có đối tượng là những tình cảm nhỏ nhặt, kín đáo nhưng thực thâm trầm và thành thực.

— Mỗi cảm nghĩ thuần nhất của tác giả ở đây là một mối cảm nghĩ ngậm ngùi chua chát về cái vị thời gian lạnh lùng và tàn nhẫn đã trôi qua trên cuộc đời vô vị của phận người hèn mọn; đã đầy xéo kiếp nhân sinh vốn vẫn là phù du yếu đuối — «những chuyện đầu bè» của mỗi đời người chúng ta.

— Kỹ thuật văn chương cốt yếu ở đây không trọng sự cầu kỳ hay bóng bẩy mà thường là rất giản dị, đơn sơ, một dòng văn hồn nhiên, dung dị, và thường được một ý vị châm biếm, nhẹ nhàng, tuy có vẻ chưa chát cay đắng nhưng vẫn hiền hòa

bao dung — kỹ thuật «kể chuyện đầu bè» trong tác phẩm.

Trước hết nói đến Võ Phiến tức là nói đến một vùng đất đai rất quen thuộc trong tác phẩm ông: Quê hương Qui Nhơn đặc biệt là làng An Quý. Đó chính là bối cảnh ưng ý nhất của tác giả. Hễ tác giả nói đến Qui Nhơn, đến An Quý là người đọc có thể vững tin rằng họ đang đọc những tác phẩm tha thiết nồng nàn nhất của Võ Phiến, đó cũng là những tác phẩm hay nhất của ông: Mưa Đêm Cuối Năm, Giã Từ, Thư Nhà, Đêm Xuân Trăng Sáng...

Võ Phiến là nhà văn đã từng trải qua nhiều năm sinh sống ở các vùng quê miền Trung và đã đem hết những kinh nghiệm đồng quê đó vào tác phẩm mình với tất cả tấm chân tình nồng hậu. Văn chương về làng mạc ruộng vườn, về quê nghèo dân cư thưa thớt người sống bần cùng, đó là một thứ văn chương thuần túy dân tộc từ bối cảnh tiểu thuyết, cho đến nhân vật tiểu thuyết, từ ngôn ngữ cho tới dụng cụ một mực đơn sơ, từ tình cảm hồn hậu cho tới những tư tưởng ngày ngẫm bình dị. Văn chương Võ Phiến là một hình dung trọn vẹn. Cái tinh thần đạm bạc nhưng thâm trầm của người Việt, đặc biệt là những người dân quê phát xuất từ nông thôn. Đó là những người mang những cái tên quê mùa nghe rất buồn cười như quý ông Phùng Văn Nước tức là Già Nước (Mưa đêm Cuối Năm: Lỡ Làng), ông Ba Thê Đồng Thôn, ông Đại Cuộc và anh lính ngoại quốc có cái tên VN là Nguyễn Văn Áo vì anh ta vốn là người nước Áo (Giã Từ), như gã Trần Hùng, cháu sáu đời của ông thống chế làng Thạch kỳ (Đêm Xuân Trăng Sáng: Thị Thành), như ông Ba Hề, ông Bải Công, ông Hai Nhiên, ông Tám Linh, bà Năm Tốt (Về Một Xóm Quê), như gã Bốn Khi (Phù Thế: Đêm trăng) hay chị Bốn Chia Vôi, chú Năm Cán Vá, anh Ba Càng Cua, Cậu Ấm Sứt, anh Hai Mỏ Gày, chú Tư Huệ Héo, chú Ba Thiên, Con Sáu Ty... (PT: Chim và Rắn). Võ Phiến thường chọn cho những nhân vật của mình những cái tên nghe kỳ cục như vậy cốt ý là để trình bày những hình ảnh thật chính xác về mẫu người dân quê hiền lành và cục mịch. Những nhân vật đó hoạt động thật chậm rãi, nói năng cười cợt ôn hòa, khi giận khi vui đều không bao giờ vượt quá cái mức trung bình ngay cả đến khi yêu họ cũng có một cách hiền hòa, là một

● Bách Khoa (bộ cũ) số 1 ra ngày 15-1-1957 do Huỳnh văn Lang chủ trương tất cả được 192 số

● Mai (tạp chí) do Hoàng Minh Tuyền chủ trương bộ mới ra khoảng tháng 7-1962, sau đó tự đình bản.

đó thật là lòng mà không người nào ngoài họ ra có thể hiểu thấu được. Đó là cái tình yêu của gã Trần Hùng bị vợ bỏ nên đi không biết làm gì hơn là đi lên đi xuống mãi trong căn nhà vắng một mình và ôm mặt khóc (Đêm Xuân Trăng Sáng) như cái tình yêu của cô Bạch người con gái quê mùa lo lắng không biết làm sao để tìm cho ra một cách tỏ tình (Thương Hoài Ngân Năm.), cái tình yêu vợ chồng đậm thắm mà ngày ngó của vợ chồng Kha biểu hiện qua những cái bực áo kỳ cục của Kha và cái khăn lông quần cổ lúc mới ở tù ra (ĐXTS : Thác Đờ Sau Nhà), hay như cái tình yêu nhìn thấy trong đôi mắt, trên bàn tay trải qua suốt mười mấy năm trời ngang trái mà chẳng hề bao giờ được nói ra một tiếng của Hiệu, "một thứ tình yêu từ đầu tới cuối phần nhiều diễn ra trên xúc giác nhiều hơn là qua lời nói, mà hai bên đều phỏng đoán cảm thấy nhiều hơn là dùng lời giải bày" (Mưa Đem Cuối Năm, truyện ngắn, Tự Do xb, 1958, tr. 100). Sự biểu lộ tình cảm ở đây được giảm thiểu đến cùng, buồn hay vui người ta đều chỉ giấu kín ấp ủ một mình, sâu thẳm hay tuyệt vọng là thứ tiếng nói thật im lặng chỉ xôn xao dấy động âm ỉ ở bên trong nội tâm, những nhân vật của Võ Phiến là những nhân vật có tình cảm hết sức kín đáo, vì thế họ luôn luôn buồn bã trong sự cô đơn một mình không ai hay chẳng ai biết, một vẻ cô đơn thâm lặng và xa vắng : «Bây giờ nghe trong lòng y âm hưởng tiếng sóng vỗ ở rất xa, rất xa, mỗi lúc càng ầm ầm càng ở càng xa, xa đến nỗi thành ra mờ mờ. Những xôn xao trên một mặt bể nào đó dội về lòng y càng ngày càng lui xa tít mù, nhưng vẫn cứ dội về lòng y những âm vang hăm hăm buồn thối. Tiếng xôn xao mà mỗi lúc nghe như mỗi thành nhịp nhàn nhàn êm đềm tựa hồ hơi thở đều đặn an hòa của một người nằm ngủ ngon lành.» (MĐCN : Lữ Lăng, tr. 53). Đại khái đó là cái tâm lý tình cảm của lớp người dân đã quê mùa luôn luôn gần bó tha thiết với mảnh đất quê hương cần cỗi nhưng thâm trầm đầy chân tình ruột thịt của họ mà tác giả đã tỏ ra thấu đáo đến kẻ. Cũng chính cái tâm lý chơn thật và hiền hòa đó sẽ được tác giả mượn làm một lý do để bày tỏ 1 thái độ chính trị : không chấp nhận Cộng Sản. Đây là lần đầu tiên trong văn chương miền Nam người ta đã có dịp chứng kiến sự chống đối chính trị này xảy ra không phải từ giới trí thức trung lưu hay thượng lưu (như trong tác phẩm Mai Thảo : Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyền...) nhưng là xuất phát ngay từ lớp người bần cùng nghèo khổ luôn luôn muốn được sống yên ổn với ruộng vườn của mình : Cộng Sản bị chống đối bởi ngay những thành phần nông cốt của họ bởi những người trọng chữ tình trên hết những người xem tình cảm nặng hơn lý luận, dù cho đó là một thứ lý luận vô địch cứ đòi nhân danh xã hội, tập thể để bóp nghẹt gia đình, cá nhân : «Những nguyên tắc lý luận của anh chỉ biết có lợi ích xã hội. Lợi ích xã hội muốn chúng tôi chia rẽ kẻ nam người bắc. Bởi vì sự chia rẽ lòng khao khát thương nhớ của chúng tôi làm ra một tình trạng khao khát khắc khoải có lợi cho kế hoạch tranh đấu của tập thể. Có ý gây ra sự nhớ thương đau đớn khắc khoải của chúng tôi để lợi dụng nó như một phương diện!» (Đêm Xuân Trăng Sáng, Truyện ngắn, Nguyễn đình Vương xb, 1961, Thị Thành tr.273). Chính cái tâm lý tình cảm của người dân quê sẽ là một thứ vũ khí lợi hại đánh ngược trở lại một chủ nghĩa thiếu nhân tính. Tác phẩm Võ Phiến không có khi nào muốn biến thành một thứ văn chương tuyên truyền, ông cũng không bao giờ có một giọng điệu tố cáo hằn học hay than thở uất hận nhưng trong hầu hết những tác phẩm đầu tiên của ông đều bằng bạc một bầu khí chung, những nhân vật rời bỏ phía bên kia để trở về trong vùng tự do, một giọng điệu châm biếm mỉa mai cùng với thứ tình

cảm ôn hòa thâm trầm tình người, tất cả những yếu tố đó đã kết hợp lại tạo nên một hậu quả rất bất lợi cho chủ nghĩa Cộng Sản. Nhìn vào tác phẩm đó là cái tình cảm bề bồng thâm ảo của hai anh chàng cán bộ CS lỗi thời đang sa vào chỗ cùng đường (MĐCN), là hình ảnh buồn bã của Thọ, một kẻ vì mặc cảm mà đã bỏ nhà bỏ vợ ra đi tuyệt vọng (ĐXTS : Thác Đờ Sau Nhà), là sự thất vọng nào nề của ông bác Đại Cuộc đối với một chủ nghĩa mà trước kia chính ông đã tích cực ủng hộ cũng như đó là chính những kinh nghiệm sống mà tác giả đã từng tham dự vào và lên tiếng từ bỏ vĩnh viễn (Giã Từ). Võ Phiến cũng là một nhà văn chống Cộng trong buổi đầu này với một sắc thái văn chương chính trị thật đặc biệt và đó cũng là cái đặc điểm đã đặt ông vào vị trí một nhà văn tiên phong trong thời kỳ khai phá và xây dựng này vậy.

Tác phẩm của Võ Phiến cũng còn mang chung một đặc tính của thời kỳ văn học này là đã nói đến rất nhiều về cái giai đoạn lịch sử vừa qua, kể lại những kinh nghiệm sống về chiến tranh và loạn lạc đặc biệt là cái không khí chiến tranh diễn ra ở những tình thế xa xôi, nơi những vùng quê hẻo lánh, những đêm ngày bồng bề con thơ chạy giặc, lên núi vào rừng, khốc cưỡi lỗ dờ bên cạnh những ân tình trái ngang, nhà cửa ruộng vườn tan hoang gia đình ly tán, đó là những thảm cảnh mà chiến tranh đã gây ra cho biết bao người dân hiền lành an phận, nào ai có hay đâu ? : «Hạt nước mắt chị đã khô trên phần tư thế kỷ. Trong chừng ấy thời gian, giặc già liên miên. Xóm cũ mất đi sáu phần mười nhà cửa. Dân làng mười người tồn mất hết tám. Cây cối xâm chiếm hết vùng đồi, bao trùm ngôi cổ miếu...» (Phù Thế, Truyện ngắn, Thời Mới xb, 1969) : Một Chỗ Thật Tịch Mịch, tr.85). Truyện của Võ Phiến do đó được dựng thành từ những hồi tưởng. Và nói đến hồi tưởng tức là đã gián tiếp nói đến thời gian, dụng chạm đến thời gian; nhắc nhở đến thời gian; thời gian đó ở đây xuất hiện bằng bạc mờ mờ như một mối cảm hoài bùi ngùi, cái ý vị chua xót và nuối tiếc cho những hạnh phúc đã mất, tấm lòng thương cảm trước những biến đổi của thời thế nhân tính, tâm tình ngậm ngùi man mác trước những cảnh tình đời đời ngang trái, đó là cái tâm sự «bề dẫu» thâm lặng và u uẩn luôn luôn bàng bạc trong tác phẩm Võ Phiến. Bao nhiêu năm đã qua, mười mấy năm qua rồi, những năm tôi vắng mặt... Đó là cái giọng điệu trầm buồn kín đáo đặc biệt của Võ Phiến, nó không vượt lên hẳn để trở nên một đề tài chính cho một tác phẩm nào nhưng có thể nói trong hầu hết các tác phẩm của ông ở đâu người ta cũng có thể bắt gặp thấy cái giọng điệu phảng phất ngậm ngùi đó trước cảnh thời gian mau qua cuộc đời biến đổi, con người lưu lạc, thế sự thăng trầm : «Tôi nhìn từng vết thương trên cây cối, từng dấu tích tàn phá sửa đổi trong vườn cổ đoán ra những hoạt động đã xảy ra trong những năm tôi vắng mặt, lòng bùi ngùi... Nhưng khi tôi về thì đã có quá nhiều ngày tháng trôi qua trên một cái tin con con đó» (Giã Từ, truyện dài, Bách Khoa xb, 1962, tr. 104, 107).

Nhân vật xưng «tôi» ở đây hình như là 1 nhân vật rất gần gũi với tác giả, đó là một nhân vật từng trải qua biết bao kinh nghiệm sống thăng trầm đảo điên trong những ngày tháng di vắng đã đi rất mau, vội vã, cho đến nỗi khi quay trở lại với thực tế đánh trở thành một kẻ lạc đường trong hiện tại, rất lầm lờ thời gian cho cuộc đời và tuổi trẻ của mình. Những mẫu nhân vật bị gạt qua một bên là thời gian, bị bỏ rơi trong dòng biến động không lường của ngày tháng để trở thành những kẻ chuyên môn đứng lại một chỗ cố định mà cảm hoài thời gian như vậy tìm thấy rất nhiều trong truyện Võ Phiến : đó là chàng thanh

niên sống một đời trôi nổi giang hồ với hình ảnh một người đàn bà của 15 năm qua (MĐCN), người đàn ông tên Thiện ấp ủ hình bóng một người con gái nhìn trộm qua cửa sổ nhà bên kia từ khi còn đi học cho đến ngày có ta đi lấy chồng và chết. (MĐCN : Kề Chuyện Đêm Khuya), hay cái tình yêu gần mười năm qua mới thành sự thật của Hiệu (MĐCN : Bần Khoăn), đó là hình ảnh của ông Ba Thê Đồng Thời tồn tại từ năm này qua năm khác để chứng kiến bày con mình lớn lên, trưởng thành rồi rủ nhau bỏ đi lưu lạc mất tích (GT); hình ảnh của người đàn bà ngồi kể lại đi vắng với người chồng trước nay đã ra đi vĩnh viễn không về (ĐXTS : Thác Đờ Sau Nhà), hay như người đàn ông đứng tuổi mơ màng thuật lại một kỷ niệm tình ái kỳ lạ đã xảy ra trong thời tuổi trẻ thật xa xăm (Phù Thế : Đêm Trăng). Ngậm ngùi và chua xót cảm hoài cho cái thời gian đã qua đó là một sắc thái văn chương thâm trầm của nhà văn Võ Phiến.

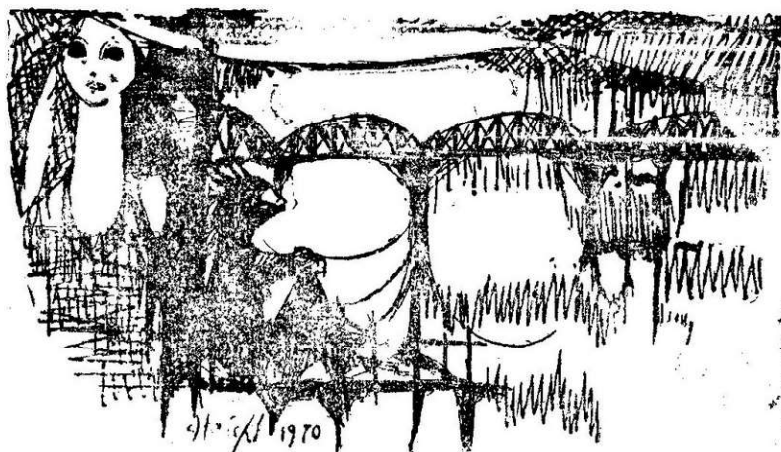
Từ mối cảm hoài về thời gian đó người ta có thể đi đến một nhận xét khác về văn chương Võ Phiến : nhận xét về một mối cảm hoài khác có rất nhiều liên hệ mật thiết với mối cảm hoài trên. Đó là mối cảm hoài về cuộc đời, kiếp sống nhân sinh, về phận người bèo bọt phù du trong đời sống. Mối cảm hoài về đời sống đó chính là một hệ luận tất nhiên của mối cảm hoài về thời gian. Bởi vì nói đến thời gian là nói đến sự biến động đời đời, sự kinh qua bằng kính nghiệm sống, sự trôi chảy miên man vô tận, nhưng trôi chảy ở đâu, trôi chảy như thế nào, trôi chảy trên cái gì?... Câu trả lời của nhà văn sẽ là thời gian trôi chảy trên đời sống của con người. Nói cho đúng hơn thì thời gian thì trôi chảy không ngừng mà đời sống của con người thì bao giờ cũng vẫn thân nhiên bất động dường như chẳng có gì lay chuyển được, người ta buồn bã chán nản rồi trở trên trầm tư hoài về ý nghĩa đời sống cũng vì đó mà ra, hãy tưởng tượng xem : «Sau bốn mươi năm qua ngồi làm việc trong phòng kín, sống một đời yên tĩnh, không bị một mây may va chạm gì, ông cụ Nhạc ngày này qua ngày khác giữ nguyên một vẻ, trơ trơ với thời gian.» (Một Minh, Truyện dài, Thời Mới xb, 1965, tr.203) Phải chăng ý nghĩa cuộc đời là như thế đó nghĩa là một ý nghĩa không đầu vào đầu ra, một ý nghĩa mờ mờ u ám, cái ý nghĩa xui khiến người ta trở nên bi quan một mối đề chỉ còn mơ thấy chấp chờn trước mặt một giấc ngủ dài bất hồi năm mãi không bao giờ dậy như cái giấc ngủ này của một đời người loang quanh lần quẩn đi tới đi lui không quá một bước ngắn dài : «Buổi chiều Hiệu che cái quạt lá buông trước cổng nhà mà ngẩn ngơ; anh ta chợt thấy mình chừng chừng đối diện với đi vắng, thấy cuộc đời chẳng tiến một bước, chẳng đi đến đâu, thấy ngơ ngẩn ngẩn như một chiếc gong tàu rớt lại chờ vờ giữa đường rầy ở một chỗ đứng không mong muốn.» (MĐCN, tr.87). Ngày qua, tháng qua, tuổi đời qua, đi vắng hiện tại tương lai cũng thì nhau mà qua, qua mau, con người sống với một mối ám ảnh nặng nề về cái dòng ngày tháng cay nghiệt vẫn miệt mài vầy vớ chung quanh, đè nặng trên mi mắt, thôi thúc trước mặt sau lưng không một phút buông tha, con người bị tấn công bởi thời gian, bị đục khoét dựa mòn bởi thời gian, bị tàn phá bởi thời gian từ vật chất tới tinh thần một cách vô phương cứu vãn — nhân vật tiêu thuyết của Võ Phiến đi lần từ một mối cảm hoài về thời gian tới một mối ám ảnh về thời gian không ngừng đục khoét đào sâu trên cuộc đời mỗi người vốn vẫn thường hiện ra với một vẻ nhàm chán khó chịu : «Từ đây cho đến cuối đời anh, cho đến ngày tàn của nhân loại, miên man ngút ngàn, cứ kể tiếp nhau những tiếng quát : Ngày nữa nhá ! Ngày nữa ! Ngày nữa ! Ngày nữa ! Ngày nữa !... Những âm vang, những tiếng vọng mà quây tụ lợp nhau, dính tai (xem tiếp trang 14)

S AU hai ngày hai đêm mưa gió mù trời một buổi sáng những cơn đường phố trong thị xã bị nước chảy tràn ngập. Nước từ Sông Chùa tràn sang, chảy siết. Nước từ những vùng cao lồn kuống, mênh mông. Nước dâng vào tận phòng của Đình, giữ anh lướt biếng nằm ro rút trên giường như một con mèo. Đêm trước, xe Thông tin chạy rong trong các ngã phố loan báo tin bão như một diêm lạp; Đình cũng vừa từ nhà Thương vội vã quay về. Trời đổ mưa thưa nhưng gió chuyển mạnh khiến Đình nghĩ có lẽ bạn này Ty Khí tượng lấy lại được uy tín đã mất sau những mả đoán bão lụt nhưng đã vô hiệu trước. Dọc đường, Đình đã phải lội qua những quãng đường thấp ngập nước mưa tới ống chân. Thành phố này vốn thấp, do đó dễ có trận mưa lớn, vài cơn đường đã lấy lội, nước chảy tràn trề. Dù chưa tới giờ giới nghiêm nhưng ngoài đường chỉ còn lại những kẻ vội vã, âm thầm, muộn mùng như Đình trở về mà thôi. Đình vẫn thường nghĩ, thành phố này vào những ngày mưa gió trông thực tội nghiệp. Cái bé nhỏ, co ro, ngơ ngác rất giống hình ảnh Thương sau tấm áo len rộng thùng thình ngồi thu vào một góc phòng vàng bệnh ánh sáng của ngọn đèn dầu lù mù. Và Đình thấy thương nỗi lẽ loi, ngơ ngác của con phố như đã thương đáng Thương một mình.

Rẽ vào con hẻm tối om, Đình biết mọi người đang gài cửa thực kỷ để chờ bão theo lời dặn dò lập đi lập lại của xe thông tin. Đình bên ngoài, như một con gió đơn độc. Mưa bắt đầu đổ ào ào theo từng cơn gió dữ, Đình vẫn dậm dậm theo trí nhớ con hẻm quanh co dẫn vào nhà. Tới hiên, nhìn căn phòng bà chủ nhà vẫn làm nơi chứa bạc tối đen lạnh lẽo, Đình biết mưa bão đã cột được đôi chân mẹ bạc của lão Thiệt, bà Mèo. Chỉ có mưa bão hung tợn mới hòng cấm kị được bọn họ tụ họp mà thôi. Có lẽ, mưa, bão và nỗi rét buốt đã làm người được đôi phần lòng tham muốn đồ đen ở họ? Thường khi, dù tiếng còi của chiếc xe tuần cảnh có rú lên inh ỏi ngoài đường phố, họ chẳng buồn nghe. Và, có lúc, ngủ một giấc dài chợt tỉnh, Đình vẫn còn nghe tiếng nói cười xầm xì, gáy cấn.

Đình khoát tấm áo mưa treo ở đầu hiên, lách cách mở cửa phòng, đốt diêm thắp đèn. Căn phòng ngập hơi gió lạnh bởi cánh cửa sổ đã mở từ buổi sáng nắng ráo lúc Đình đi dạy, tới bây giờ mới trở về để khép lại. Đình như còn nghe thấy cái lạnh mang mang của căn phòng suốt ngày vắng một hơi thở ấm. Văng một tiếng cười nồng. Đình vẫn cao ngon đèn, khép gài cánh cửa sổ, ngồi vào chiếc ghế dựa nhìn thoáng lều chiếc giường còn buông mùng, đóng áo quần cuốn tròn từ mấy ngày trước chưa giặt, mở sách báo bừa bãi, những bao thuốc trổng nằm một góc, chổng sách của vài người bạn gởi nhờ bán họ, tấm tranh vẽ người thiếu nữ ngồi mơ màng gầy dài tranh rất giống nàng Kiều. Đình đã nhặt được đầu đó dán lệch lên vách. Đình bỗng để ý đến chiếc lọ sứ trắng tuàn trước đi phố với Thương đã mua. Lúc Đình nhìn chiếc lọ thực nhỏ, vừa với cái bàn vuông ở phòng mình, Thương đã nói: «Anh Đình mua chiếc lọ này đi, nhà Thương có nhiều hoa lắm». Đình cười, nhà em có nhiều hoa chứ nhà anh đâu có chiếc hoa nào, Thương cũng cười theo nhưng ngưng ngừng. Ý Thương nói, anh mua chiếc lọ này đi, để Thương đem hoa tới cho; nhưng nghĩ sao lại nói khác. Đình thừa biết vậy, nên đã mua chiếc lọ. Bây giờ, mấy cành hoa Huệ trắng của một tuần không thăm đã rũ héo.

Tiếng rít của một thân tre đã ngã cạ lên mái tôn phòng Đình nghe dữ tợn, hung bạo. Từng cơn gió thổi thốc qua, kéo theo nhiều tiếng động mơ hồ đầu đó của những tấm hiên tôn bị giật bay; tiếng rít của cánh tre trên mái hiên tôn làm Đình sợ hãi. Mưa ồn ào. Mưa mù mịt. Mưa mãi miết. Ngồi nghe tiếng mưa, tiếng gió, Đình có cảm tưởng rằng mưa gió đây trời sẽ không bao giờ dứt. Như mưa hoài lạnh lẽo qua suốt đời mình. Đình đưa tay xem đồng hồ: Mới 9 giờ đêm mà thấy như đã quá khuya. Thấy như đêm sâu cùng tận.



TUY HÒA, NHỮNG NGÀY MƯA

Thấy như trời đất đảo điên. Thấy như đã xa Thương nghìn dặm dài bằng bát.

Mới hôm nào đây sau khi lên bến xe để đưa Trần, đưa Nhân trở vào chấm dứt những ngày vui lang thang đây đó; Đình đã ngại trở về phòng một mình nên đã tìm ghé Thương dù tối hôm trước đã có mặt ở đó với đám bạn phương xa tìm tới. Có thể nói, ở đây, thành phố lặng lẽ với nhiều nét ngơ ngác này, Đình là người còn lại sau những người khác đã lần lượt ra đi. Dù có ra đi không bao giờ trở lại như Uy, hay hẹn hò quay về như Khuê, như Ân thì Đình vẫn thấy mình là kẻ chưa xốt còn lại chịu chắt từng kỷ niệm phai mờ. Bữa vào ngày tháng lơ ngơ buồn bã đó, lâu lâu, có vài người bạn phương xa tìm tới như một vỗ về hiếm hoi, quý báu. Những gặp gỡ, những lang thang, những tụ họp đọc thơ tán trâm trâm thứ chuyện bên chai rượu *Cỏ May Thần Từ* quái gỡ của Đoàn, những bữa ăn đạm bạc gần gũi ồn ào tiếng nói cười; tất cả những cái đó, rất nhỏ mọn, rất tầm thường nhưng đã khiến Đình yên tâm, trở về với những ngày dài làm lính, cô độc sau này. Bây giờ thì Trần, Nhân, Đoàn đã mỗi người một hướng như con chim lạc bầy dong ruổi, bơ vơ. Trần với bộ đồ trận rộng thùng trong một cái xác bệnh hoạn ốm yếu trở lại trình diện. Nhân quay về những sớm những chiều hò hét luyện tập binh lính. Đoàn ra đi lòng còn ray rức về chuyện đòi cưới vợ trong Nam. Tất cả đã bắt tay Đình, chào những ngày vui đã qua. Mỗi lần phải bắt tay đưa tiễn một người bạn, Đình lại nhìn thấy rõ hơn nỗi lẽ loi còn lại của mình. Chính vì vậy, sau khi chuyển xe đồ đầu ngày lần bán mang Trần và Nhân ra đi, Đình nghĩ sợ nỗi trống vắng của căn phòng và tìm lại thăm Thương.

Vừa thấy mặt Đình, Thương đã kêu lên: — Anh có xuống bến nghe coi cô học trò tự tử? Đình nhớ lại cái xác lạnh được vớt bỏ nằm trên bờ cạnh bến đò qua Ngọc Lãng, cười: — Em có đi coi chưa? Người chết mà đi coi cái nỗi gì?

Thương vẫn giữ bộ tịch sững sốt, bàng hoàng: — Cô bé đó mới học đệ ngũ, thiệt tội...

Đình muốn nói, đó là một cái chết tội nghiệp, đau xót, nhưng vô ích. Cô gái có cái tên của một loài hoa quý: Trần thị Lan Anh. Cái tên nghe cũng đã lãng mạn, réo rắc lắm. Và cái chết tro lạnh chìm đắm dưới dòng Sông Chùa kia, đã tố cáo cho thấy một cuộc sống cũng lãng mạn, réo rắc không kém. Xác cô gái trôi tập vào tấm lưới tình cờ của một gã đánh cá, chiếc áo hoa vải thô còn xanh hoa lá của một thuở thơ mộng nào, khiến Đình

thấy quả đó là một cái chết thực đau xót. Cái chết nào cũng đáng thương lắm. Cuối ngày, người ta bu đến coi, bàn tán, ghê rợn: Đình đã đứng bên bà già quê mùa là người thân của cô gái xấu số, nghe bà thuật chuyện cô ta với giọng chậm chạp, mỗi một, mà chẳng lộ vẻ gì xúc động: Thấy nghĩ ở nhà bà cháu với nhau có ai mà rầy rà gì nó. Bỏ nó đi làm ăn tậu trong Cam ranh, nó đi học, nó làm gì ai mà biết được? Phải, làm sao trong tuổi già tầm tối, bưng bít nhiều khổ ải này bà biết được nó mong muốn gì? Nhưng bây giờ nó đã nằm kìa dưới tấm chiếu che phủ, nó đã chết: Nó không còn mong ước nào nữa.

Đình vào ngồi trên chiếc ghế dài kê ở hiên, nhìn Thương còn đứng tần ngần tay đan thêu thốt chiếc áo màu len đỏ cho đứa con đầu lòng của người chị (bé Bích Thủy). Thương nói:

— Trường trung học đó sao ghê quá vậy anh? Chưa đầy tháng đã có ba học sinh chết nước...

Hai học sinh chết trước cô gái học đệ lục, nhào lúc vắng thầy, rủ rê nhau xuống biển tắm, bị sóng chặn chết thắm. Rồi tới lượt cô gái xác trôi dính vào tấm lưới của gã đánh cá ở Sông Chùa: Đình cũng đã nghe nhiều lời xầm xì nói về ngôi trường quái dị này. Trường vừa mới thành lập bởi một thương gia giàu có trong thị xã để giải tỏa mấy căn nhà thừa. Ngôi trường nằm ngay trước ngõ vào nhà của Đình. Nhiều dư luận nói, có lẽ, ông giàu có kia của người lập lên ngôi trường đã đánh rơi mất cái đức, nên để chỉ còn lại những bất hạnh cho bọn học trò? Đình không tin vậy, nhưng cũng thấy cái gì yên ổn trong cách giải thích huyền bí, khó hiểu cho những tai họa xảy đến dồn dập kia.

Để xóa mờ những cái chết đã ám ảnh Thương trong những câu chuyện; Đình nói với vợ:

— Trời mùa Đông, buồn thiệt...

Đình nói, sao mùa Đông những mùa Đông trong quá khứ mưa gió ngút ngàn, khó quên trong trí nhớ anh quá? Hình ảnh mùa Đông trong dĩ vãng như lúc nào cũng chờn vờn trong những giọt mưa bây giờ. Một mùa mưa cũ: Trong căn chòi quanh quệ nấp dưới đám tre lể loi giữa đồng của những ngày chạy giặc, tản cư hồi kháng chiến, Đình đã cùng với người anh lận lộn đi thả gập, câu cá. Những cơn mưa phù mờ trời đất đem lại từng luồng gió đông rét công, vẫn không đẩy lùi Đình ở lại được. Giờ xong từng cái gập, bắt xong từng con cá, Đình và anh tìm tới một gành cầu, ngâm cá trê. Những cơn cá trê đen kịt chày rêu ngạnh chỉ chịu ra khỏi hang vào mùa rét. Và, thường thì hai anh em Đình mãi mê câu cho tới chiều tối, mới quay trở về chòi. Ở đó, đứa em già

lặng lẽ ngồi co ro bên bếp lửa đun cơm chờ đợi, đã làm ấm được cái lòng và cái đời lạnh bạc, cái cút của anh. Tối đêm, bởi ngại mẹ nên đưa em gái cũng trùm kín tấm áo che mưa bằng lá kê, lều đèo theo sao anh đi ngủ. Những mùa mưa khép kín, ngỡ ngàng, hoang đường cũ đã trở nên mùa mưa ẩm ướt, đẹp đẽ của Dính bao giờ. Trong những giọt mưa, trong cơn gió lạnh trước mắt Dính khiến anh ngậm ngùi thương em, và tiếc thương những ngày ấu thời lạnh đạn, khó khổ trước.

Thương đến nỗi anh Dính :

— Mùa mưa trông anh cũng buồn thiệt.

— Sao vậy ?

Thương nói giọng xúc động :

— Anh không thấy anh gầy hư nhiều đó à ?

Dính nói, giọng cũng xúc động mơ hồ :

— Em nói đúng, anh buồn...

Tia mắt Thương bỗng sáng, nàng cười mỉm :

— Sao anh không cưới vợ cho đỡ buồn,

anh Dính ?

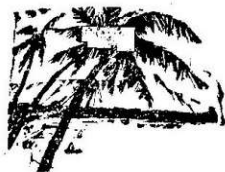
Dính cũng chợt cười :

— Ráng đợi tới mùa đông chờ biết sao ?

Buổi sáng hôm nào đây tới đêm nay sao xa vời biệt quá vậy ? Mưa, gió, gió, mưa. Tiếng kêu của thân tre ngã cọt xát kết trên mái hiên dồn. Dính để nguyên bộ áo quần, vén mùng chui vào nằm đợi giấc ngủ sớm.

SÁNG hôm nay trời đã tạnh hẳn mưa, mở mắt ra Dính đã thấy chút nắng vàng vọt le lói qua mái hiên đã bị gió thổi tước. Anh vùng ngồi dậy, nghe trong lòng cũng quang đãng như bầu trời. Anh nghe bên ngoài ồn ào tiếng nói cười về nỗi hân hoan khi thấy cơn nước rút. Dính nhìn xuống thêm nhà : Nước đã khô sạch để lại những bợn đất, rác rưởi. Anh mò tìm đôi giép, nhưng nó đã trôi đi đâu mất. Dính vội lấy giày, mang hẳn vào. Anh nghĩ tới ngôi trường làng sẽ phải tới chắc cũng đang còn ngập nước ?

Dính cho xe chạy men theo đường Nguyễn Công Trứ để tránh quãng đường trũng thấp vẫn còn nước chảy. Gần hai ngày nắng rừ rừ ở giường, Dính thấy cần phải đi lại đôi chút cho đỡ buồn căng. Con đường này đã khô nước, bày phơi những hòn sỏi xanh bị nước cuốn làm loang lổ. Tới cuối đường, Dính thấy người ta họp chợ ngay bên góc đường, trên khoảng đất khô ráo. Dính bỏ phố, vượt thẳng ra quốc lộ. Lúc đi ngang qua đầu đường Trần Hưng Đạo, anh thấy mấy cô gái son phấn quần trùm áo trong, áo ngoài, đứng xò xò ở dưới một gốc cây trụi lá, chờ xe tới chờ. Thành phố, con đường, sau những ngày mưa lụt trông sạch sẽ, mới mẻ khác thường.



MANG VIÊN LONG

Tặng Bùi Đăng

Từ trên quốc lộ, Dính đã thấy cánh đồng mênh mông nước. Nhưng con đường nhỏ rẽ vào xóm cũng không còn thấy bông dãi. Trơ vơ giữa bề nước là những hàng tre oằn oại, ghi dấu cho ranh giới của đồng ruộng và nhà cửa. Dính vẫn cứ cho xe qua cầu ngắn, chạy xầm xầm. Dòng nước khô cạn bày cát trắng thường ngày đã ngập tràn nước xoáy. Vài căn nhà cạnh cầu, bị nước cuốn sập vách. Dính rẽ đám người ngồi họp chợ ngay hai bên lề đường, chạy thẳng. Nước còn chảy lấp xấp dưới ống chân. Tới đây, trước khoảng đường nước lớn, Dính dừng xe lại, thờ dãi. Con đường đất dẫn vào trường cũng bị ngập đầy nước không đoán nổi. Sắn díp, anh đứng coi mấy người đi chợ từ xóm đi chợ, lội nước ngã ướt hết áo quần. Mấy cô nữ sinh ở quê, cũng lặn lội với bộ áo quần ngủ nhăn nhúm, để kịp xuống phố đi học.

Một cô học trò cũ thấy Dính, cười hỏi :

— Thầy đi dạy hà thầy ?

Dính cười đáp :

— Đi lội nước chơi, bão lụt mà dạy đồ gì nữa ?

Và Dính quẹo xe chạy lại xuống chợ. Không muốn trở về vội, anh dựng xe một góc đường, đi lảng quăng giữa hai hàng chợ. Khu chợ thường ngày ở dưới kia giờ là nơi cho những chiếc ghe đậu lại đưa đón khách. Đi long rong một hồi đã mỏi, Dính định chui vào quán tìm một tô bún bò bình dân nhưng rất nổi tiếng vì cái tô quá lớn, thì gặp cô giáo dạy cùng trường run rết trong tấm áo chừa :

— Không đi dạy sao thầy ? Có hỏi giọng lo sợ.

Dính quay nhìn về nước, cười :

— Đó, cô biết lội bơi thì cứ việc...

Cô giáo chợt cười, nhưng lại không dám được nổi ngai :

— Nghỉ dạy thiệt sao thầy ?

— Chờ làm sao mà vào trường ? Lũ học trò, chúng cũng ở nhà hết, không lẽ vào đó treo lên bàn mà ngủ ?

Dính nói vậy bởi vẫn biết các cô e ngại hiệu trưởng. Nhưng mà hiệu trưởng là cái ông kẹ gì làm các cô sợ dữ vậy nhỉ ? Trong thực tế, vẫn có nhiều tên hiệu trưởng các kẹ, hồ mỗi việc là trình

mặt, báo cáo. Thời còn ông Ty cũ, kể nghe một hiệu trưởng về mét lại là chắc chắn vài ngày sau có một sự vụ lệnh tổng đương sự bị can đến vùng độc địa, nguy hiểm. Cái tính chính trực này của ông ta, chỉ để dọa dẫm, che chở cho cái vốn hèn, phe phái của ông ta mà thôi. Do đó, hồi lũ Uy, Khuê còn dạy tại đây, đã có vị hiệu trưởng thân cận ngốc nghếch tuyên bố trong cuộc họp : « Ở nhà quí vị có cha mẹ, tôi trường quí vị có hiệu trưởng », khiến Khuê nóng tính trợn mắt đập bàn âm ỉ, lão hiệu trưởng lớn quố sợ hãi phải xin lỗi « quí thầy, quí cô ». Bởi lẽ nghĩ rằng cái chức hiệu trưởng cha mẹ vậy nên dù cái luận khó khăn, vẫn phải gắng chịu. Bấy giờ thì cái thời vàng son của chức hiệu trưởng cha mẹ đã qua, nhưng các cô vốn yếu bóng vía, nên vẫn sợ. Hơn nữa, vị hiệu trưởng trường Dính dạy, đã có thời được trọng dụng, làm các cô các thầy giá cả ăn ngủ không yên.

Dính nhìn thấy nhiều nét lo âu của cô giáo, nói chừng chặc.

— Cô cứ về nghỉ đi cho khỏe, có hề gì tôi chịu trách nhiệm cho. Thực mà, bây giờ có ông thanh tra lên tới đây cũng phải quay trở lại...

Nghe nói vậy, cô ta mới mừng rỡ vội vã xuống tàu trở về. Trước khi rời Dính cô còn quay lại nói : « Có thầy, nếu không lũ tôi bị quố rầy chết ... »

Ăn xong tô bún bình dân có thể no tới chiều. Ngồi nghe đám lính bàn tán về chuyện gã đàn ông ở đầu trên miệt Phú Lộc, thấy nhà trời, theo giữ, bị nước cuốn trôi trên sông Đà Rằng. Ông ta phải bám vào cây cột nước trôi tấp vào chân cầu, linh gác cầu làm tường V.C, bắn lệnh, thấy gã giờ tay kêu cứu, buồng dây kéo gã lên, mới được biết. Nghe chán... Dính lại trở ra đi xuôi theo dây chợ. Giữa dây chợ tạm bợ đứng ngồi lổ nhổ bên đường này, cơn rét mướt xanh xao của người mua kẻ bán đều là kẻ tàn cư từ nhiều năm nay ở độ đầu đó trong những căn chòi tranh âm thấp, trống trải; Dính thấy nhớ những ngày lao đao của mình thuở trước. Cái thuở đùm bọc anh em chạy trốn giặc Pháp ở mãi trong căn chòi sâu hút dưới rừng tre mênh mông giữa đồng, với mưa, với gió, với rét, với đói... Cho tới bây giờ thì cảnh bơ vơ này vẫn chưa chịu rời bỏ mấy người. Vẫn còn lặp lại những đau lòng đứt ruột cũ.

— Thừa thầy, thầy...

Dính quay lại nhìn thấy Xuân đang bưng rổ rau đi bán. Xuân rụt rè e ngại đứng nép bên gốc cây trụi lá thấp. Dính lại gần, hỏi :

— Bữa nay nghỉ học đi bán rau đó hả ?

Xuân đã khẽ một tiếng, rồi băng khuâng đứng yên. Dính nhớ tới cái giấy xin phép của nó mà lũ bạn nói lại rằng ở nhà Xuân đang lo đám cưới cho người chị, Dính lại hỏi :

— Đám cưới rồi bánh cho thầy đâu ?

Xuân bỗng cười thơ dại :

— Bão lụt quá, cho rượu đầu đi rồi thầy...

Vậy là người con gái vụng, thường tới xin phép cho Xuân những hôm nó bận việc đã bỏ đi rồi. Tiếng hát hôm nào Dính ghé lại thăm gia đình Xuân the the vang ra từ cửa buồng kín, cũng sẽ mất bật. Tự dưng, Dính cũng thấy buồn buồn. Một nỗi buồn thăm vu vơ như những tiếng hát the the hôm nào.

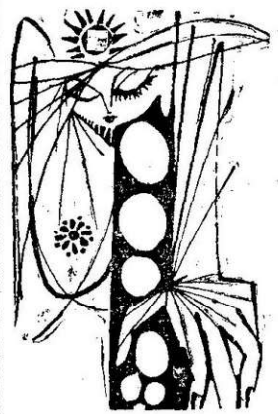
Dính rời đưa học trò nhỏ với rổ rau chất một nghèo khó, trở lại thị xã lòng còn thương xót. Qua khỏi cầu, Dính lại gặp lão Lọc lợ cộc cộc xe xuôi dốc. Thấy Dính, lão cười hớn hớn :

— Sao không dạy na thầy ?

Nhìn bộ tịch lão đi dạy mà quần xắn cao, áo quần cộc kỳ như đi cày, Dính nói :

NGUYỄN ĐẠT

thơ my



MỸ VÀ CHÂU CHẤU
châu châu bay đầy rừng
châu châu bay đầy vườn
châu châu đâu nhiều thế
cào xước cả thình không

châu châu trên ga cỏ
châu châu trong tay em
châu châu đâu thương quá
âu yếm tuột da hồng

MỸ VÀ TẮC KÈ

ở trong hang đá tôi
con tắc kè nó kêu
chỉ mấy tiếng ngắn ngủi
mà tôi đau rất nhiều

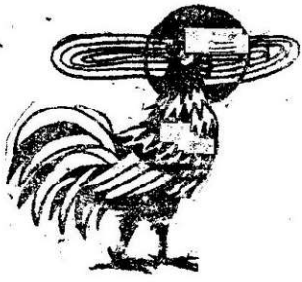
ở trong vườn đá sỏi
mỹ vui chân bước liêu

mỹ vui hồn bước đại
té trên ngọn cỏ sâu
tôi nhớ một lần ầy
năm rên hết mấy chiều

MỸ MỸ LIÊN

ôi thánh thề của người
vừa mơ màng thức dậy
tôi ngây dại suốt đời
vì một lần ngó thấy
vì một lần quá đôi
ôi mái tóc của người
phơi hồn tôi sớm biếc
mấy giòng trên vai người

ôi vai người quá đôi
sao hết hương thơ ngây
tôi yêu người muốn khóc
người thánh thiện như mây
tôi yêu người muốn chết
mây vĩnh viễn bên người



chuyện cảm đơn bā

BÁN GIÀY

Ông chủ nhân mặt hời có làm công :

— Người đàn ông mặc sơ mi trắng ôm cái gì ở tiệm này đi ra thế.

— Thưa ông chủ, ông ta mua một đôi giày đen số 40, thứ 1200đ.

— Sao tôi thấy hần trả ở kết có một tờ giấy 500đ và một tờ giấy 100đ ?

— Thưa ông chủ, ông ta bỏ quên ví tiền ở nhà, trong túi chỉ còn có bảy trăm. Ông ấy hẹn về nhà lấy tiền rồi sẽ trở lại ngay để trả nốt.

— Cô có quen hần ta không mà cô để cho hần mang giày đi.

Nhờ hần không trở lại trả tiền thì sao ?

Cô làm công nhoeo miệng cười :

— Ông chủ đừng lo. Tôi không quen ông ta nhưng ông ta sẽ trở lại. vì hai chiếc giày tôi đưa cho y đều là hai chiếc chân trái cả.

KHÓ HIỂU

Đôi khi đi ngoài phố ta nghe lỏm được những mẩu chuyện mới nghe thì có vẻ bình thường nhưng nghĩ kỹ thì cũng hơi lạ lùng. Chẳng hạn khi nghe một người đàn bà đi đường nói chuyện với bạn như sau :

— Không mặc quần áo, không đi giày, không đội nón, tôi cần được đúng 47 cân 237 gờ gam. Nhưng tôi chỉ lo là cái cân bàn ở tiệm thuốc Tây Ngọc Thụy mà tôi cân chiều hôm qua không đúng với cái cân tiệm Tân Hoàng tôi cân tháng trước.

HÁT LÊN ĐI

Nhân bữa tiệc sinh nhật của bà chủ nhà nhất định ép một cô bạn gái của bà lên hát vì bà biết cô bạn có giọng hát rất hay.

Nhưng cô bạn khẳng khăng không chịu hát.

Cuối cùng đề thuyết phục cô gái bà chủ nhà quay sang phía ông Tổng trưởng Ngoại giao hỏi :

— Ông tổng trưởng nghĩ sao về trường hợp một người có

giọng hát rất hay nhưng không chịu hát ?

Nhà ngoại giao mỉm cười đáp :

— Tôi thì tôi nghĩ rằng như thế còn hơn là mười hai cô không biết hát, giọng ô ề mà cứ nhất định nhảy lên hát.

VỀ TRỄ

Đêm giao thừa. Trong một quán rượu chỉ còn hai bọm nhậu đang khê khà uống dù lúc đó đã gần mười hai giờ. Bỗng người nọ hỏi người kia :

— Tại sao giờ này mà anh chưa về. Anh về trễ như thế anh sẽ trả lời vợ anh ra làm sao ?

Người kia đáp :

— Ờ, tôi đã có vợ đầu mà lo.

Người thứ nhất tỏ vẻ ngạc nhiên :

— Anh chưa có vợ thì việc gì mà phải uống rượu nhỉ !

BỌM NHẬU

Một anh bọm nhậu được mời tới dự tiệc rượu Giáng sinh tại nhà một người bạn thân.

Khi anh vừa tới vợ bạn đơn đã cầm ly ra đưa cho anh và lịch sự hỏi :

— Thưa anh anh dùng rượu gì ạ ? Whisky ? Martini ? Vodka ? hay Martel ?

Bọm nhậu trả lời gọn :

— Vâng ạ ! Δ

Khởi Hành

TUẦN BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
RA NGÀY THỨ NĂM • CHỦ TRƯỞNG
HỘI VĂN NGHỆ SĨ QUÂN ĐỘI • GIẤY
PHÉP XUẤT BẢN SỐ 3581BT/BC
NGÀY 26-3-69 • TÒA SOẠN VÀ TRỊ
SỰ 225-227 PHẠM NGŨ LÃO SAIGON
ĐT : 25.863

Chủ Nhiệm, Chủ Bút
ANH VIỆT

TRẦN VĂN TRỌNG

Phụ Tá Chủ Nhiệm
HY VĂN

Thư ký Tòa soạn
VIÊN LINH

Bộ Biên Tập Thường Xuyên
TÔ KIỀU NGÂN • LÊ ĐÌNH THẠCH • HOÀNG NGỌC LIÊN • ĐĂNG TRẦN HUÂN • NGUYỄN H. THỐNG • DƯƠNG TRƯỞNG LA

Về
NG. HỮU NHẬT • LƯU HUỖN TRUYỀN • NGUYỄN HẢI CHÍ

Trình bày bìa và ruột
VIÊN LINH

Thư từ ngân phiếu để tên Chủ Nhiệm • Bài vở để tên Thư ký Tòa Soạn • Giá 25đ. mỗi số • Công sở giá gấp đôi.

Bài vở gửi cho Khởi Hành xin miễn gửi cho báo khác, và ngược lại • Tòa soạn không trả lại bản thảo dù có lời yêu cầu.

← — Thầy về nghỉ đi, mai đợi nước rút hả đi dạy...

Lão ngẩn ngại nhìn Dĩnh, rồi nhìn con nước lớn ngập phả bờ ruộng, nhà cửa, phía con đường ra chợ, hỏi lại :

— Thầy có gặp ông hiệu trưởng ?

Dĩnh không giữ được tiếng cười :

— Có, ông. nói nếu có lụt thì trào lên bàn mà ngồi dạy...

Lão Lược cười theo. Dĩnh, vội vã quay xe.

Về tới phố mưa bắt đầu nặng hạt. Những đám mây đen dập dềnh trôi trên bầu trời xám đục. Chút mặt trời buổi sáng đã bị che khuất bởi từng cụm mây bàng bạc. Tuy vậy, từ ngã năm trông xuôi xuống dãy phố chính, Dĩnh vẫn thấy con phố đã qua rồi con rét mướt. Trận bão đã đi qua, nước lụt đã rút dần xuống, những cành cây gãy đổ bên đường không còn đáng tiêu tụy. xơ xác như trong gió loạn, mưa dầm. Dĩnh định bụng ghé vào hiệu sách mua tờ báo đọc, rồi vòng xuống thăm Thương. Thăm con mèo co ro trong tấm áo len rộng.

Cô chủ quán sách gặp Dĩnh với mớ sách vở, liền khen :

— Chao ôi, thầy siêng năng quá...

Dĩnh nhìn lên những tập báo treo lủng lẳng :

— Làm thầy nhất định phải siêng rồi còn nói gì nữa?

— Vậy đề nghị cho thầy cái giáo dục bộ tinh đi...

— Cô thử đề nghị coi.

Cô chủ quán cười :

— Tôi đề nghị là nhất định được.

Dĩnh không dân được tiếng cười :

— Thì tôi đã nhờ cô rồi mà...

Dĩnh chọn mua một tờ nhất báo ra muộn từ tối hôm qua, vài tờ báo hàng tháng chưa lấy được,

yvà một bản nhạc. Một ngày không có máy bay mang báo tới thị xã, Dĩnh thấy như Saigon là một nơi vô cùng xa. Một miền đất tách rời hẳn hình thể Việt Nam bé nhỏ. Hai ba ngày không có máy bay, không có một tờ báo, làm thị xã đã nhỏ, càng thu nhỏ lại với dáng dấp phiến muộn, trẻ nãi, ngo ngác hơn.

Dĩnh trả tiền, cô chủ quán hỏi :

— Mua nhạc tặng cho ai vậy thầy ?

— Thầy mua tặng cho cô, còn hỏi ai nữa ?

Dĩnh rời quán sách với cái não nức sẽ đột ngột tặng cho Thương một bản nhạc. Một bản nhạc tình thời trang xoàng xĩnh, nhưng Thương hay ưa hát. Thương hay ưa hát kéo theo Dĩnh hay ưa hát. Và bây giờ, bản nhạc tình lảm cẩm này đã là cái gì thật bé nhỏ, thực êm đềm, thực riêng rẽ của riêng hai người. Bản nhạc nói tới một mùa mưa sum họp « mùa mưa lần trước anh về đây ghé thăm tôi », rồi tới một mùa mưa khác trông đợi người cũ « mùa mưa lại đến tôi ngồi đây ngóng tin anh », được Thương lặp đi lặp lại những lúc ngồi ở hiên tay đang thoăn thoắt đan áo, nhìn mưa nhỏ từng giọt xuống thêm.

Con hẻm dẫn xuống nhà Thương ngập nước : Mấy đứa nhỏ đang di chuyển những thân cây chuối bị gió thổi trốc gốc ra vũng nước rộng cạnh đó. Đứa nào cũng cời trần, quần ướt nước. Mực nước lên cao tới bụng. Dĩnh thấy hết đường để tìm vào nhà Thương như mọi khi. Với mực nước này, cũng đủ dâng cao tới nửa vách nhà nằng rề. Anh thoáng nghĩ, hay là đứng đây đợi lũ nhỏ đóng xong chiếc bè, rồi chúng chở họ vào đó, xem sao. Nhưng, mưa kéo tới rầm rập. Mưa đen kịt bầu trời. Mưa chảy mờ hai mắt : Dĩnh nghe một đứa nhỏ ở cạnh nhà Thương nói chị Thương đã dời nhà đi từ hồi nào rồi... Δ

nhà xuất bản HỒNG HÀ

ĐÃ IN

VƯỜN QUÊN LÃNG

của VIÊN LINH

Một tác phẩm đẹp như kỷ niệm, buồn như dĩ vãng và ngậm ngùi như lãng quên.

ĐANG IN

SỚM MAI HỒNG

tập truyện của NGUYỄN HỮU HIỆU

• Phụ bản của Nguyễn Khai

KÊ TIỀN TRI

của KHALIL GIBRAN

HỒNG HÀ dịch,

nguyên tác Anh Ngữ đối chiếu
NGUYỄN HỮU HIỆU giới thiệu

Như Tagore, Jabrân (Gibran) chỉ đề cao một thứ đạo : đạo làm người ; chỉ công nhận một Thượng Đế : Thượng Đế trong tất cả mọi người. Và nếu có gì phải đề cao, thì đó chính là Cuộc Đời. Cuộc Đời rực rỡ và vĩnh cửu trong từng giây phút. Và Tình Yêu, Cái Đẹp, tình Huynh Đệ giữa con người.

• Kèm theo 12 phụ bản của chính tác giả.

KHOI MỞ DÒNG ĐỜI

của NGUYỄN HỮU HIỆU

của Cuộc Đời nong nân và kỳ diệu với Emerson, Blaise Cendrars, Henry Miller, Jean Giono, Vatsyayana, Cheikh El Nefzaoui, Omar Khayyam, Jabrân, Khalil Jabrân, Casanova, Apollinaire, Walt Whitman, William Blake, D.H. Lawrence, Nikos Kazantzaki, Thánh Thần, Tân Đà, Nguyễn Tuấn, Bùi Giáng, Túy Hồng

• Phụ bản của Picasso, Paul Klee

NHÃ lấy trong tủ ra một chiếc áo dài bằng tơ hàng nội hóa màu mỡ gà mình thật mịn và mềm, đưa cho Thúy.

— Cái áo này Nhã mặc mới có mấy bận. Nhã cho Thúy đó, để mỗi lần mặc, Thúy... nhớ đến Nhã. Khờ người tội mình bằng nhau mà, phải không?

Thúy chợt ngó Nhã trân trân:

— Nhã làm cứ như là... Nhã sẽ không bao giờ trở lại đây nữa không bằng ấy... Thúy... Thúy chả lấy đâu.

Mới nói thế, rồi Thúy bật khóc, ngồi phệt ngay xuống giường. Thấy vậy, Nhã ngồi xuống bên bạn, vòng tay ôm lấy vai bạn dỗ dành:

— O, cái con nhỏ này, lạ chưa kia? Tại mình nghĩ là Thúy vẫn thích cái áo này, nên mình để lại cho Thúy dùng. Thúy nói cái gì mà nghe ghê quá đi. Vào Sài Gòn, sẵn hàng, Nhã lại may cái khác, chứ có gì đâu! Thúy làm Nhã giận bây giờ đó!

Thúy lấy khăn mũi xoa lau nước mắt trong khi Nhã gói chiếc áo vào một tờ giấy báo rồi đem đặt lên bàn:

— Lát nữa về, nếu Thúy quên, Nhã sẽ nhắc Thúy nghe.

Thúy vẫn còn sứt sứt:

— Cám ơn Nhã... Thúy chả có cái gì cho Nhã để nhớ đến Thúy với. Minh... làm bạn với nhau kể cũng lâu rồi đấy Thúy nhỉ?

Nhã ngồi xuống bên bạn, hai tay thu vào giữa hai đùi:

— Ủ, khá lâu rồi. Từ hồi ở dưới tiểu học lận. Dù cứ trung bình năm ngày lại ba trận học hặc!

Cả hai cùng bật cười. Hai chị em lại cúi húi thu xếp đồ đạc. Đầu óc tâm hồn Nhã hoàn toàn trống rỗng. Có lẽ vì Nhã đã trút hết những phiền muộn bộn rộn thành những giọt nước mắt sau cơn khóc tức tưởi ở bên giàn trầu không của mẹ hồi trưa. Nếu không, biết đâu chừng hồi này Nhã đã khóc theo Thúy, đi nhiên với một số nguyên do khác với của Thúy.

Dù chơi thân với nhau, nhưng Nhã và Thúy là hai thái cực khác biệt hẳn nhau. Nhã trầm lặng, ham đọc sách báo bao nhiêu; thì Thúy lại liếng thoắng, biếng đọc bấy nhiêu. Tâm hồn Thúy thật đơn giản, liếng thoắng cười cợt đầy, rồi lại bù lu bù loa ngay được, lúc nào cũng sẵn sàng tiếp một tay nếu có ai nhờ vả gì. Cuộc đời con gái của Thúy, Nhã đã thấy rõ từ trước là rồi cũng đến kết thúc bằng một đám cưới; rồi Thúy sẽ trở thành vợ, thành mẹ. Nhã nhớ có lần chị Hòa nói với Nhã, giọng nửa đùa nửa nói khinh mạn: « Cuộc đời, cũng may mà còn có chuyện lấy vợ lấy chồng để cho những con trai con gái không biết làm gì khác, không có

mơ ước gì khác, còn có một việc để làm! » Cái gì đã làm chị Hòa thù ghét cuộc sống gia đình ràng buộc như vậy, Nhã chỉ lờ mờ hiểu dường như do ảnh hưởng của những gấu ó, bất hòa triển miên giữa ông bà Lụa. Nhưng có lý nào một người tự tin như chị Hòa lại chịu để cho những thứ ảnh hưởng đó chi phối cho đến tận bây giờ cho được? Hẳn bên trong còn có một cái gì khác đây... Trong khi đó cuộc đời của Thúy, thật đơn giản, và đầu sao, cũng có cái phần dễ thương của nó: ngay sau khi Thúy thi trượt (có lẽ đây là một cái cớ vậy thôi, chứ chẳng có tính cách quyết định bao nhiêu), gia đình Thúy đã sửa soạn để gả nàng cho một thương gia có cửa tiệm buôn bán trong tỉnh. Thúy cũng chẳng mong muốn gì hơn, dù không yêu đương gì người chồng tương lai kia. Cuộc đời đối với Thúy đơn giản như vậy đó, và buồn hiu, hay bình lặng, tùy theo quan điểm của mỗi người.

— Nhã nói với Thúy rồi đó thôi. Nhã vẫn chỉ coi Hiếu như một anh bạn thân có nhiều điểm hợp với mình. Thế thôi.

— Thế thôi?

Thúy có cái vẻ ngần ngại tức cười như chính nàng là Hiếu. Rồi như chợt nhớ ra chuyện gì, Thúy lại liếng thoắng trở lại:

— Hồi chiều, Thúy gặp cậu ở trong quán đi ra với bạn thằng Toàn, mặt cậu nào cậu vậy đó gay. Tại thằng Toàn dường như đang cản ngăn gì cậu vậy. Chắc hồi sáng có chuyện gì giữa hai người hả? Chẳng hạn, Nhã nói câu gì đó nặng nề chẳng?

Nhã lắc đầu:

— Đầu có gì. Bọn này ngồi nói chuyện... văn chương một chấp, chứ tuyệt nhiên không có cái về gì cả. Thi... cái lời nói chuyện của bọn này ra sao thì Thúy cũng biết rồi đó. Xong rồi sau đó, ai về nhà nấy. Hiếu có đưa Nhã về đến đầu đường. A... mà Nhã thấy cậu ngồi hi hục khắc hai chữ

Ngưng một lúc, Nhã chợt nhún vai:

— Nhiều lúc Nhã cũng chẳng hiểu Nhã nữa. Ở tuổi tội mình, cái gì nó cũng mơ mơ hồ hồ làm sao ấy... Mà thôi, bỏ qua chuyện đó đi.

Thúy càng không hiểu bạn hơn. Nàng chép miệng:

— Cứ kể ra thì trong bọn, Hiếu nó có vẻ dễ thương nhất. Nhưng xét cho cùng thì... Nhã thực tế như vậy cũng phải. Đầu sao, Hiếu còn trẻ quá. Bọn con trai bằng tuổi mình xem ra vẫn còn trẻ nít thế nào ấy, Nhã nhỉ? Tại sao vậy hả?

Nhớ đến câu Hiếu nói hồi sáng cũng tương tự như ý tưởng vừa rồi của Thúy, Nhã chợt bật cười:

— Nhưng Hiếu thì hẳn tin là bọn con gái có già đến trước bọn con trai cùng tuổi cách mấy đi nữa, thì cũng đến một mức nào đó rồi sẽ ngưng lại; trong khi bọn con trai tuy lớn chậm, nhưng lâu và bền. Tóm lại, Hiếu hẳn tin là độ vài năm nữa, hẳn sẽ vượt sự già dặn của mình. Kể ra điều đó cũng dễ hiểu, bởi vì bọn họ có nhiều cơ hội sống hơn mình. Sinh ra làm thân phận con gái là kẻ như chịu thua thiệt về phương diện sống rồi. Trừ phi...

Nhã chợt ngưng lại, không phải vì sợ Thúy theo không kịp những điều nàng nói, song vì Nhã chợt có cảm tưởng không phải chính nàng đang nói, mà người đang nói đó là chị Hòa và nàng chỉ lãnh nhiệm vụ của một cái máy phát thanh lại. Nhã bỗng rùng mình. Bấy lâu nay, Nhã chỉ mới đọc và đọc, rồi lặp lại những điều đã đọc và suy tư và thần phục. Như một người luyện kiếm chỉ mới duyệt với cây kiếm gỗ, chưa một lần sắp trận với vũ khí thật. Nhã bỗng cảm thấy hoang mang thế nào... Nàng hỏi Thúy, hầu lảng tránh những suy nghĩ riêng tư:

— Nay Thúy, bao giờ thì đám cưới đấy ấy nhỉ?

Thúy đỏ mặt:

— Áp tét, nếu không có gì trở ngại... Nghĩ đến chuyện lấy chồng, sao Thúy thấy ớn ớn làm sao ấy, Nhã ạ. Cũng như Nhã, Thúy đã yêu ai đâu có biết cái gì đâu. Ba má Thúy muốn vậy thì Thúy cũng biết vậy...

Thúy bỗng chặc lưỡi:

—... Mà thôi, chẳng thà vậy còn hơn...

Nhã trở mặt nhìn bạn:

— Như vậy nghĩa là Thúy cho là mình không phải chịu trách nhiệm về hạnh phúc của Thúy bởi vì Thúy đã không chọn lựa trong vấn đề lập gia đình này?

Thúy ngược nhìn bạn, cười buồn:

— Có lẽ thế đấy, Nhã ạ.

Thúy cũng không biết nữa... Bà mình đã làm như thế, nghĩa là bằng lòng giao phó sự chọn lựa cho bậc cha chú, đến mẹ mình cũng vậy, thì... mình làm khác đi làm gì. Cũng may mà Thúy chưa yêu ai, chứ nếu không...

còn tiếp

CHÂN TRỜI MỆNH MANG

5



truyện dài TRUNG DƯƠNG

Thúy không hoàn toàn hiểu Nhã; nhưng cái buộc chặt họ vào với nhau là do lòng chân thành đối với nhau.

Thúy chợt ngừng tay, nói:

— Nay Nhã, Nhã có biết là đáng ấy tốt số không?

— Sao?

Nhã ngạc nhiên nhìn bạn.

— Thì đó, bao nhiêu anh chàng mê đáng ấy ở đây mà không dám ngó...

Nhã bật cười, nghe vừa hãnh diện vừa ngưỡng ngưỡng thế nào:

— Chẳng hạn như ai nào?

— Thì... như ai, Nhã biết rồi mà.

— Hiếu... Phải Thúy định nói vậy không?

— Thế là cậu đã ngó lời rồi à?

Nhã chặc lưỡi:

— Thúy biết quá là giữa bọn này với nhau chỉ là chỗ bạn bè, dù có thân thiết cách mấy đi chăng nữa, hay sao?

Thúy chưng hửng:

— Thế cậu chưa nói gì với Nhã sao? Hồi sáng lúc đến nhờ mình đi tìm Nhã hộ, Hiếu nhất quyết sẽ nói cho Nhã biết là Hiếu yêu Nhã. Thúy đùa cuộc với cậu là cậu sẽ về không cho mà xem. Ra đúng thế thật. Vậy là Thúy được cuộc rồi!

Ngưng một lúc, Thúy hỏi bạn:

— Thế còn Nhã... thì sao?

N và H lên đá, rồi Nhã có nói là nhìn thấy Hiếu khắc hai chữ đó lên đá, Nhã lại nhớ đến mấy câu thơ của Phùng Quán. Rồi tại này nói qua chuyện văn chương, với một lối diễn tả gần như cại nhau, như bao giờ. Chỉ có thế.

Thúy nguyệt bạn một cái thật dài:

— Như thế lại còn hồ chẳng có gì! Như thế là Nhã làm cho cậu thất tình dứt đuôi con nòng nọc ra rồi, chứ còn phải... có gì nữa mới được, không biết? Dù không yêu, nhưng làm như vậy là để lộ sự vô tình của mình, và như thế thì kẻ cũng tàn nhẫn thật.

Nhã nhìn Thúy thật lâu. Đôi khi Thúy cũng có những nhận xét sâu sắc tế nhị, trái hẳn với cái tặt lấu tấu vô tâm và tính hơi hợt cổ hủ của nàng. Nhã ngồi ngẩn người ra đến một lúc, dần dần nhận ra sự vô tình đến độ tàn nhẫn của mình đối với một người bạn thân thiết như Hiếu. Nàng khe khẽ thở dài:

— Đầu sao Thúy cũng hiểu rằng Nhã không cố ý làm vậy. Nhã vẫn coi Hiếu như một người bạn thân... Nhã chưa hề nghĩ đến yêu đương lúc này. Với lại, cái chuyện yêu đương là cái tự nhiên nó đến, có muốn cũng chẳng được nào...

ÂM BẢN

THANH TÂM TUYỀN

II

Văn chương đã chắc đầu mà chỉ Ulan
NGUYỄN DU

Gửi MAI THẢO

19

Còn lại ?

Nổi hiện như những dấu chân trên triền dốc, bên lề, dưới
lũng. Quanh quẩn, mò mẫm giữa cảnh hoang vu. Thật bất
ngờ. Bỗng thấy. Những dấu chân lẫn mất trong cảnh vật, ở
đó và không thuộc vào. Một trận mưa sẽ tới xóa mau những
dấu chân của ai ? Nào ai biết và cũng chẳng quan trọng. Ai
bắt gặp đó ? Có cần phải trả lời không ? Ai bắt gặp ?
Bỗng thấy...

20

Chỉ là bỗng.

Bỗng những dấu chân. Bỗng mai, bỗng chiều, bỗng đêm.
Bỗng mắt chạm, mắt đứng sững. Bỗng thấy, bỗng không. Bỗng
cùng. Như cảnh tượng đó, ở đây, lúc này, như thế. Như thế
thôi một nỗi bỗng không.

Nỗi bỗng không trùm lấp hết thấy.

21

Văn chương : những chút bỗng.

Những chút bỗng (bỗng, bỗng, bỗng, bỗng, bỗng...) Không
đến đâu chênh chao. Trong một chữ, trong một câu. Bỗng lúc
nào, rồi xong.

22

Như đêm qua (anh có thấy quãng cách từ chữ qua với
người viết, rồi từ chữ qua với người đọc: đêm qua — còn lại
gì đâu ?) mưa lờng lờng. Con bão lướt ngang. Mọi cơn bão
đều tạt qua đây. Trong hành lang tối thẫm, ướt mem. Các cửa
kính vỡ chưa sửa sang. Gió đập lũng bùng vào giấy nhựa dán
bít. Đang xem và bỗng đọc thấy bài thơ của Lý Thương Ẩn

*Quân văn quy kỳ, vi hữu kỳ
Đa Sơn dạ vũ trường thu tri
Hà đang cộng tiến tỳ song chức
Khước thuyết Ba Sơn dạ vũ thỉ.*

23

(Người hồi ngáy về, biết buổi nào)

Đêm thu mưa núi trút đầy ao

Bao giờ đốt đuốc bên song thừ

Cùng tán chuyện mưa đêm núi cao)

Trở lại với: xem và đọc.

Người ta thường xem sách. Mò quyền sách xem — nghĩa
là lấy mắt trông nhìn — tò mò lướt qua các hàng chữ để muốn
chứng kiến các cảnh tượng. Xem sách như xem các cảnh tượng
biến hiện. Người ta bèn bảo sách vở là cửa ngõ phiêu lưu,
mộng mị. Rồi người ta cũng bảo cuộc đời, thiên nhiên là quyền
sách của những quyền sách. Chưa chắc người viết đã trông
ngắm được nhiều phong cảnh cho bằng người xem, chưa
« sống » cho bằng người xem... Rốt cuộc sách để cho những
người không sống, và hãy liệng quyền sách đi.

Đúng.

Văn chương nào có gì đâu, chỉ là « tán chuyện mưa đêm
trên núi ». Người ta còn đòi xem, « xem xem nó viết cái gì,
nói cái gì « đề mà thấy » chuyện cũ rích, nó mù tịt về chính
trị, về xã hội, về lịch sử, nó nói chuyện tào lao, nó ở trong
tháp ngà, ngoảnh mặt với thực tại... vân vân ».

Xem là lấy mắt làm chủ, xem cho biết. Văn chương không
biết, bất biết.

24

Hãy đọc. Văn chương cần được đọc.

Đọc là chìm đắm. Mặc cho chữ nổi hiện, tiếng lời làm chủ.
Đọc là buông thả và chăm chú. Như đứa trẻ chưa biết nói
lắng nghe tiếng trò chuyện bông đùa của người lớn (người lớn
đang quên mình là người lớn). Những chữ vô tội, những tiếng
vô tội, không chỉ thị, không phát hiện, biểu diễn những bỗng
— những chênh chao vang động của lúc, của thoáng.

Đọc để nghe, nghe tiếng, nghe lời, nghe giọng, nghe hơi
của ai khác. Nghe quá mọi nghĩa lý những ba động, mở rộng
đón những ba động ấy.

thời của kẻ...

tiếp theo trang 5

những ảo tưởng huyền hoặc chàng đã
tạo ra ; tôi ôm ấp chúng. Tỉnh lại
bởi cơn điên cuồng và sợ hãi lãng
phí kinh nghiệm thuần túy của cuộc
đời, tôi ngừng lại và chuyển năng lực
của tôi vào sáng tạo. Tôi lẫn xả vào
sáng tác với cùng sự hăng hái và
nhiệt tình mà trước kia tôi đã lẫn
vào cuộc đời này ; hết phép lạ này
đến phép lạ khác liên tiếp xảy ra,
mọi bất hạnh được biến đổi thành
truyện hay đề kể. Rimbaud, mặc dầu
lao vào trạng mất cảnh giới có phong
thổ và cảnh vật khó tin, vào trong
một thế giới của ảo giác dị thường và
kỳ diệu như thơ chàng, đã trở nên
càng ngày càng cay đắng, cảm nín,
trống rỗng và sầu muộn.

Rimbaud hoàn lại văn chương
cho sống ; tôi cố gắng hoàn trả cuộc
sống cho văn chương. Trong cả hai

chúng tôi tính chất tín điều đều mạnh
mẽ, mỗi quan tâm trí óc và tinh thần
quan trọng hơn hết. Khiếu về
ngôn ngữ, về âm nhạc hơn là
nghề văn chương là một nét
chung khác. Với chàng, tôi cảm
thấy một bản chất nguyên thủy nền
tảng tự thị hiện bằng nhiều cách kỳ
dị. Claudel gọi Rimbaud là « một
người thần bí trong trạng thái man
rợ », không có gì có thể mô tả chàng
hay hơn. Chàng không « thuộc về »
— không ở nơi nào, luôn tôi có cảm
thức tương tự về mình. Những sự
tương đồng không kể hết được. Tôi
sẽ đi sâu vào một vài chi tiết của
những sự tương đồng ấy, vì trong khi
đọc tiểu sử và thư từ tôi những sự
tương hợp ấy rõ ràng đến nỗi tôi nghĩ
rằng tôi không thể cưỡng lại được
việc ghi nhận chúng. Tôi không nghĩ
rằng về phương diện tôi là kẻ đọc
nhất. Tôi nghĩ rằng trên thế giới này
có nhiều Rimbaud và con số đó sẽ gia
tăng cùng với thời gian. Tôi nghĩ
rằng, trong thế giới tương lai, mẫu

Rimbaud sẽ thay thế mẫu Hamlet và
mẫu Faust. Chiều hướng đang đi
đến một nút rạn sâu xa hơn. Cho
đến khi cự thế giới tiêu diệt hoàn
toàn, cá nhân « dị thường » sẽ càng
ngày càng đi đến chỗ trở thành khuôn

mẫu. Con người mới sẽ chỉ tìm thấy
mình khi cuộc chiến giữa tập thể và
cá nhân ngừng lại. Lúc đó chúng ta
sẽ thấy kiểu mẫu nhân loại trong vẻ
trần trụi và rực rỡ của nó.

còn tiếp

CẢI CHÍNH

Trong tập san Sử Địa số 17 và 18-1970, Ông Nguyễn Thế
Anh có viết bài phê bình cuốn « Sử học nhập môn » của hai
tác giả LÊ KIM NGÂN và CHÂU LONG do Văn Hào xuất
bản, ông Anh nhận xét đại ý một phần cuốn sách trên tác
giả đã « ĐẠO VẤN » tài liệu giảng dạy tại Đại học Văn khoa
của Ông Trương Bửu Lâm. Tôi xin minh xác rằng cuốn sách
trên do chính ông LÊ KIM NGÂN xuất bản, hiện bút tích
chúng tôi còn lưu giữ. Hai chữ Văn hòa đề cuối trang bìa
chỉ là một sự MUỘN DANH và ông LÊ KIM NGÂN chỉ dám
ghi hai chữ Văn Hào mà thôi, không dám ghi rõ Xuất bản.

NGUYỄN VĂN GIAI
Giám đốc Văn Hào xuất bản
112, Cống Quỳnh

nguyễn man kim

SA MÙ VÀ TRỜI XANH ĐÃ MẤT

Khi nụ cười băng chảy trên đầu que diêm
những hy vọng cũng hồng lên ngọn lửa
anh đến đó soi hồn xanh phiến nhỏ
gợi chút tình cảm lạnh thiên thu

Khi tiếng khóc bắt đầu xô đời sống
thời ước mơ phút tắt bất ngờ
gió bỗng cuốn cơn mưa gây bão động
anh trở về chôn dấu mộng khô

Khi những cánh dơi lẩn mình vào đêm tối
bóng đen về choáng kín tương lai
anh bỏ dở tiệc đời vui giữa cuộc
Ngồi thả buồn rơi trong cốc rượu cay.

mai diệu định

NGÀY MƯA Ở AN ĐÒN

Chợ tàn, ngày khuất bên sông
Đèn chao chát, lạnh, nửa giồng nước trôi
Đò không đầu bãi ngậm ngùi
Sóng chùng mặt nước chôn vùi tiền thân

ĐÊM MƯA HOA QUỲNH NỞ

Tâm thần động giọt mưa trong
Tan trong mặt đất vô ngần đêm nay
Vườn mưa sâu, phấn hương bay
Mưa và hương của Quỳnh đầy trang kính

TRONG VƯỜN MƯA NHÌN BÀN LAI DIỆN MỤC

Vô tình ! Ta ở trong mưa
Vô chung vô thi tự mùa vô sanh
Vô cùng mưa mưa mộng mệnh
Xưa nay một thật đầu ghềnh, cuối sông...

trịnh phú vang

ĐÀ LẠT

chong chóng quay trong gió
bên kia đồi bao dong
mỗi người bừng lửa đỏ
cần nát quả tình không.

MƯA LẠNH

ta như là mưa lạnh
mưa bám ở quanh đờ
sao người không mọc cánh
bay giữa trời thiên thu.

THÁNH THIÊN

tim gan người thánh thiện
còn đủ nỗi thật thà
mắt môi vừa đau buồn
cát đã lấp đầy ta.

QUA SÔNG

đã vừa tay đạo hạnh
che mặt ngủ bên trời
sông trôi về mấy nhánh
che diêm người sông ơi.



nguyễn tịnh đông

THIỆT THA

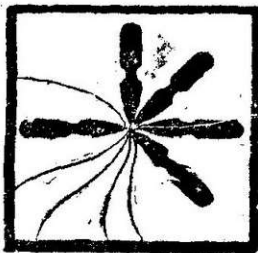
Trăng đông mình khuya xuống đất sương
Hồn ta khuya nhớ lên canh trường
Không mưa mà rét dầm trong nền
Bên vách tường rung mặt bóng gương

Chấn gổ hoang sơ bến lạ thuyền
Lòng che tà khói rộng bình nguyên
Mà đêm dăng đặc trên tiền sử
Ai đợi nhau gì mộng đã riêng

(Ta chót yêu người khi mới lớn
Tình ta sông biển chảy trong hồn
Khi ta chợt hiểu đời chia biệt
Kỷ niệm này bao giờ người quên)

Từ đạo phiêu linh cuối nụ cười
Tên người độc diệu khắp đêm vui
Bình minh tà áo bay huyền hoặc
Mái tóc hoàng hôn óng tuyết với

Chết cả đại khờ trên giấy hoa
Tay run từng nét chữ phai nhòa
Bao nhiêu mây trắng dong về đó
Ôi chỉ phương này ta thiết tha



lê đình

NHƯ SƯƠNG MAI

Sáng nay
khí mặt trời vừa tỏ rạng bên kia đồi
và khi chuông vừa ngân qua trền mái
tôi đã khóc

bởi giọt nước mắt vẫn còn đọng trên môi anh
bởi giọt máu vẫn còn đọng trên trán anh
khiến tôi cứ đầu lộn lắt
âm thầm ước mơ

cho giọt nước mắt của em
hòa tan trong giọt máu của anh
biến thành hạt kim cương huy hoàng rực rỡ
lóng lánh trong rừng sâu
sáng ngời trên núi cao
cho đã thú thối khát máu điên cuồng
cho cơn trùng thối rên rỉ than van
cho nắng trên trời thêm ấm
cho chim kết thêm trong trên cành

đề sáng mai khi vừa thức dậy
tôi được nhìn thấy em cười bên mặt loài chim
xứ lạ
vừa đậu lại trên trán anh
nơi giọt máu hồng
như sương mai

nguyễn lương vỹ

NGHE NGƯỜI CUỐI PHƯƠNG

tàn đêm cò đảo phong trần
vành trăng biển ải hận lòng cuối phương
còn chăng em chút mới hương
thời tung trời đất huyết cuồng vọng nhau
đời nghe một cánh thư đầu
ôi người ử mặt cho trào máu trắng.

HUYỀN TƯỢNG

rách thiên thu, diệt gốc mù
đời bơ vơ thả máu như cho tôi
xuống giồng nát giọng trầm khơi
nhắm phương hướng đợi những lời cho nhau
bạc mái đầu, chìm thu sâu
bừng bừng kim cổ tiếng sầu lật qua

RẮC CỎ NHÀ AI

trăng nguồn rắc cỏ nhà ai
năm tay cháy đỏ đơm vài trang không
tôi nhai nghìn tiếng chuông boong
lạc vào hoàng yến cấp vàng thu sâu
thôn hoang đảo dựng mái đầu
cỏ chùn bước đậu bóng nào tạt qua

trần thiện ngá

MỘNG NGƯỜI CHIÊM BAO

nửa ngọn đèn mờ trong ánh mắt
hồn trăm năm lạnh bất nghiêng sầu
nghe ra một tiếng em từ biệt
ta cũng đành quên giọng hỏi chào

lở một đường gương rơi xuống ngựa
áo bào run rẩy chôn ba quân
giữa trận tiền giáo gương nước nở
ta đưa tiêu mũi về nhà chông

mai về giữa chốn triều ca ấy
hai bên phủ phục đám quần thần
ngôi cao chín bậc lời tấu rồi
dưới cờ ta treo ấn từ quan

bồng lộc nhà vua quay trở lại
thời ta đánh lối đạo quân thần
biên đình từ đó riêng bờ cõi
thảo khấu một phương trấn cửa quan

ngiêng ngựa san hà phân xã tắc
nửa đêm truyền hịch giặc lòng quân
rủi giương mình ngựa đường chinh phạt
mai về thành thị cướp được nhân

chiến mã ra rơi vào trận mạc
tên em xuôi ngược đám tàn la
ngựa bỗng sa chân miền gió cát
tiêu mũi ngàn năm xa đại ca

ta quay xuống thân ngủ nhờ nhờ
hồn bàn tay ngựa đã xanh xao
chợt nghe tiếng bình rơi gương vỡ
hồn ta ngắt lặn giữa chim bao

tràng trùng trên gió mùa thu tại
thành lũy nào ngăn chia tuổi thơ
bụi mờ án sách tình chưa nhạt
những mười năm ấy bất nghiêng chờ

mười năm một giấc mộng dài
có khi mộng cũng gọi người chiêm bao

nhức óc, khủng khiếp, tuyệt vọng.» (PT: Một Ngày Đẽ Tây Nghi, tr. 19). Từ một mối ám ảnh về ngày tháng đeo đuổi không dứt đó, đời sống mỗi người với vô vàn những mối dây liên hệ rắc rối, với biết bao nỗi bận tâm lo nghĩ khó khăn đã làm nảy sinh ra thêm những mối ám ảnh khác: ám ảnh về tuổi già (như nhân vật Hữu trong «Một Minh» hay trong «Phù Thế», truyện «Thân Xác»), ám ảnh về cái tuổi thơ và cái chết (ĐXTS! Truyện «Tuổi Thơ đã mất») và đặc biệt là mối ám ảnh về ngay chính con người, những con người đồng loại vẫn hiện diện một cách khó chịu chung quanh ta để không giây phút nào là không ngớt tìm cách dóm ngó xen vào chuyện riêng của nhau «Cuộc nhân sinh! Một cuộc quay cuồng từ đầu năm tới cuối năm từ năm này sang năm khác. Mỗi người bị bao vây, bị tràn ngập, không quay về phía nào, không ngoảnh đi đâu mà không gặp đồng loại, không gặp những vấn đề do cuộc sống chung với đồng loại đặt ra. Người là một ám ảnh thường trực của nhau» PT: Lúc Dừng Chân, tr. 109). Khi đưa ngòi bút mình đến phân tích những khía cạnh u tối buồn nản của đời sống, rửa kiếp người mong manh vô vị như vậy, Võ Phiến đã chứng tỏ một óc nhận xét thật tinh vi sắc bén cùng với một nghệ thuật diễn tả tỉ mỉ và tế nhị. Có thể nói những tư tưởng phân tích đời sống tế vi đó đã tạo nên cho văn chương Võ Phiến một sắc thái tư tưởng thật mới lạ không kém gì những tư tưởng văn chương và triết lý của thời hiện đại mặc dù tác giả nó lại là một nhà văn kỳ cựu thuộc lớp người đi trước. Văn chương của Võ Phiến nhất là trong những tác phẩm sau này như vậy đã chứng tỏ một nỗ lực suy tưởng tiến bộ bất ngờ nhưng điều đó không có nghĩa rằng khuynh hướng văn chương của ông đang thực sự biến đổi theo một đường hướng mới mà đó đều thuộc về liên sinh hay tiểu thuyết mới!

Ngược lại cái hồn tinh binh dị và hiền hòa của người dân quê VN chất phác đậm đà vẫn còn tiềm tàng nơi ngòi bút ông. Dù sự suy tưởng đã được đào sâu trên một bình diện có ít nhiều tính chất siêu hình nhưng cái lẽ lối suy tưởng, cái phong cách suy tưởng đó vẫn thấm đượm một tinh chất quân bình, trung hòa theo đúng tinh thần suy tưởng trầm lặng và mực thước của người Đông Phương. Nói cách khác, tư tưởng văn chương của Võ Phiến dù có hướng tới một đối tượng khó khăn cũng không bao giờ bị đẩy mạnh tới chỗ quá độ cũng như có thể nói không có một sắc thái bi quan nào đúng nghĩa trong văn chương của ông. Cái nhìn đượm nhiều về một môi chân chương mà đôi khi người ta có thể tìm thấy trong tác phẩm VP

NHÓM BẠCH KHOA

thực ra chỉ là một kết quả tự thành từ những nỗ lực phân tích và đào sâu kinh nghiệm sống qua nhiều khía cạnh phong phú trên cùng một đề tài văn chương duy nhất (đời sống thường nhật của con người) của một ngòi bút chú trọng sự phân tích tỉ mỉ và ham mê khám phá những chi tiết tế vi ẩn dấu trong đời sống (đề tài). Cái nhìn bi quan, nếu có, không phải là khuynh hướng của tác giả. Đó chỉ là một kết quả đương nhiên mà khuynh hướng văn chương của tác giả với những đề tài văn chương nhất định như vậy bắt buộc phải đạt tới nhất là khi mà cả khuynh hướng lẫn đề tài văn chương đó lại bị chi phối bởi hoàn cảnh một thời đại khó khăn như thời hiện đại. Thành ra dù đôi khi ngòi bút phân tích sâu sắc và chính xác của tác giả có đưa ông đi quá xa, đang đe dọa phá vỡ sự thống nhất tinh thần của dòng văn, đi ngược lại với khuynh hướng căn bản thì lập tức người ta thấy cái tinh thần Đông Phương điềm đạm và trầm lặng, cái hồn tinh dân tộc ôn hòa và bình dị sẽ được tác giả khôn khéo viện dẫn tới để lập lại thế thăng bằng lý tưởng cho dòng văn và dòng cảm nghĩ trong tác phẩm của mình. Chính cái tinh thần suy tưởng và cảm nghĩ thuần túy dân tộc đó đã giúp cho tác giả tìm thấy một thế thăng bằng điều hòa trong văn chương của ông bằng một cách thế gián tiếp biện hộ lạc quan cho cuộc đời sau khi đã tận tình vạch rõ cho thấy những khía cạnh tăm tối, buồn, vô vị, buồn nản của nó. Đó là lý do hiện hữu của cái thi vị cay đắng của cuộc đời mà tác giả đã khám phá thấy xuyên qua những kinh nghiệm suy tư và cảm nghĩ sâu xa, cái «thi vị của sa mạc, của đau khổ, của mệnh mông hoang vắng, thứ thi vị của khoảng trống, của hư vô, thứ thi vị nào nùng của cái chết» (Một Minh, trang bìa). Phải là một người có 1 tinh thần suy tưởng trầm lặng Đông phương mới có thể ca ngợi một tâm hồn rung động sâu sắc và tế nhị cực độ mới có thể tìm thấy ra «cái tinh vi u uẩn của cuộc sống» tạo nên bởi «những sự kiện rời rạc vô nghĩa» đầy rẫy trong cuộc đời nhìn thấy trước mặt (MĐCN, tr. 21) Rõ ràng hơn, hãy nghe tác giả giải thích ở đây về cái ý nghĩa tuy bi quan mà vẫn đáng lạc quan của cuộc đời tầm thường nhỏ nhen nhưng vẫn đáng sống đáng yêu vô cùng: «Những ước lệ trở nên của cuộc sống xã hội, để nên tình cảm tự nhiên của chúng ta thỉnh thoảng quá có tạo nên những trường hợp tâm lý bệnh hoạn. Nhưng tôi nghĩ rằng chính nhờ chúng mà cái liếc mắt của người con gái càng ngày càng kín đáo tinh tú. Những bàn tay run run bầu chặt vào ghế, những cánh cửa mở lên trong đêm khuya, những chiếc khăn mà thiếu nữ ăm ăm cứ cần chặt trong mình, những đau khổ ấy làm cho cuộc sống phong phú thêm, âm thầm tích thêm bao nhiêu. Chúng ta nên gọi đó là những đáng cay hấp dẫn của cuộc đời» (MĐCN, tr. 81). Dù nghệ thuật phân tích đời sống trong bút pháp VP có được đào sâu để đưa tới những kết quả lạ lùng bất ngờ nào đi nữa thì chính cái hồn tinh dân tộc của ông, cái tinh thần suy tưởng thuần túy Á đông của ông vẫn là cái nền tảng căn bản để giữ vững tác phẩm ông ở trong một thể quân bình tư tưởng không xa lìa với tâm hồn binh dị và ôn hòa của đa số người Việt.

Hầu hết những tác phẩm thành công của VP đều thuộc thể truyện ngắn («Giã Từ» nên được xem là trường hợp của một truyện ngắn được viết dài hơn những truyện ngắn thông thường mà thôi). Nếu ở truyện ngắn, Võ Phiến đã thành công thật dễ dàng và đều đặn thì ngược lại trong thể truyện dài là một thể truyện ông chỉ thực sự bắt đầu trong thời kỳ sau, Võ Phiến không đạt được một kết quả khả quan. Truyện dài của ông được xây dựng theo một bố cục quá nặng nề và rườm rà, cá tính nhân vật thường lạc lõng ở giữa những đoạn văn kể chuyện tỉ mỉ dài dòng vốn vẫn là sở trường của truyện ngắn (của ông), thêm vào đó sự thiếu vắng

động tác trong những bối cảnh cố định được kéo dài bất tận không hoàn toàn thích hợp với truyện dài là thể văn đòi hỏi một yếu tính linh động tối thiểu nhiều hơn truyện ngắn. Vì thế truyện dài của VP thường tạo cảm tưởng như là một truyện ngắn được kéo dài thêm hay như đó là một hình thức kết hợp nhiều truyện ngắn lại thành một truyện duy nhất mà «Một Minh» là tác phẩm điển hình. Tuy là một nhà văn thuộc vào lớp trước nhưng Võ Phiến vẫn tỏ ra muốn đi sát với thời đại trong đá tiến hóa của nó. Đó là lý do giải nghĩa sự xuất hiện của những tác phẩm mệnh danh là «Tập Bút» của ông cũng như những truyện ngắn lấy đề tài từ cuộc chiến hiện tại (như truyện «Chim và Rắn» trong «Phù Thế»).

Văn chương Võ Phiến có một nội dung chuyên mô tả những sự kiện nhỏ nhặt tinh vi, hướng về những đề tài tầm thường giản dị theo một khuynh hướng phân tích cụ thể và thực tế. Một nội dung như vậy đã được kết hợp tương xứng với một hình thức diễn tả sâu sắc và tế nhị. Đó là kỹ thuật viết văn chú trọng sự phân tích chi tiết thật tỉ mỉ xen lẫn với một giọng điệu châm biếm nhẹ nhàng. Thường thường nhà văn chỉ chọn lấy một đề tài nhất định để giới hạn sự mô tả của mình ở đó rồi từ đây ông bắt đầu đào sâu trong vòng giới hạn trên đề tài đó, bắt đầu làm một cuộc phân tích thật tỉ mỉ và cặn kẽ về cái đề tài đã được chọn đó. Vì thế ở giữa tác phẩm của ông người ta có thể bắt gặp thấy những khám phá chi tiết thật bất ngờ, thí dụ như: «Trong nghĩ ngợi, thỉnh thoảng anh Tư bắt gặp một ý nghĩ của mình, lẻ loi, biếng nhác, như một con ruồi bay lơ lửng về một đường vòng yếu ớt trong căn phòng vắng vẻ buổi trưa» (PT, tr. 18). Ngay cả đến những kinh nghiệm biến chuyển trong nội tâm, những cảm giác hay xúc động thâm sâu cũng được tác giả mô tả qua cái kinh nghiệm nhận xét và so sánh chi tiết cụ thể đặc biệt tinh vi: «Sự sung sướng trong lòng mình, chàng thấy nó rung rung như hạt nước trong tay ở dưới là sắp sửa muốn rụng xuống.» (Thương Hoài Ngân Năm, Truyện ngắn, Bút Nghiên xb, 1962, tr. 68). Óc nhận xét chi tiết của tác giả ở đây đã đạt đến một mức độ tinh tế tuyệt diệu. Bên cạnh cái khuynh hướng ưa thích sự nhận xét và so sánh chi tiết tỉ mỉ đó còn có một giọng điệu châm biếm nhẹ nhàng đôi khi đi đến chỗ mỉa mai chua chát, đặc biệt là trong lối dùng chữ khôi hài duyên dáng của tác giả, như đây là một thí dụ: Không ai có một cái áo mưa, mỗi người chỉ có một cái mũ trùm vai nhựa như kiêu mà các nhà học giả thường chụp lên đầu cán bộ, Công Sản. Nhưng sự đồng nhất dừng ngay lại ở chòm đầu. Từ cổ xuống chân có những xu hướng dị biệt, Thông thì mặc bộ đồ bà ba màu xám tro, cũng có thể gọi được là màu khói hương nếu gia đình Phật tử không thấy có điều bất tiện trong sự lộn xộn ấy» (MĐCN, tr. 25). Chính cách dùng chữ so sánh bất ngờ cùng với cái giọng điệu bông cợt nhẹ nhàng đó đã tạo nên cho tác phẩm VP một vẻ duyên dáng quyền rũ thật thoải mái. Thêm vào đó, tác giả đã tận dụng một ngôn ngữ đối thoại thật chính xác và thích hợp với những nhân vật của mình, đó là thứ ngôn ngữ ngây ngô mộc mạc đặc biệt của giới dân quê hiền lành chất phác, thứ ngôn ngữ quê mùa thường thông dụng ở miền Trung như: «Nhưng giữa nó với tôi còn có ngày gặp nhau mà. Nó đừng nóng nảy vô lối rồi trước sau tôi cũng chế ba thể tre đem mạnh chiếu rách rưới nó xuống quận một lần cho bà con coi chơi.» (PT, tr. 138). Hay đặc biệt như trong lá thư bắt hủ sau đây — vết thương lòng không bao giờ xóa nhòa của Trần Hùng, người anh hùng với con voi của ông thống chế làng Thạch Kỳ!

Việt Nam Cộng Hòa,

Chiều nay tôi đi, nhà đừng tìm tôi vô ích. Tôi đi Gia Trang, Sài Gòn, không biết về đâu nữa.



lâm đm, nua sừng tui kiem không biết chừng tui đi
 Man rêu. Man thiết làm đm. Lương diên hay đưa
 tới đây là hết, nhà kiem nơi khác kiem bạn làm đm»
 Khung cảnh văn chương Võ Phiến hầu hết đều là
 ở thôn quê và cho dù đó là một khung cảnh của
 thành thị thì cái thành thị đó vẫn luôn luôn mang
 một mối hoài vọng khôn nguôi về những xóm làng
 yêu dấu ở chốn xa xăm. Một ghi nhận khác là
 Võ Phiến là một nhà văn rất ưa thích mô
 tả - cảnh những đêm trăng trong hầu hết
 những tác phẩm của ông, có thể nói
 đêm trăng là bối cảnh chọn lọc nhất của ông
 cũng như trăng là một ám ảnh nào đó cho
 tác giả, cho nhân vật. Đó là đêm trăng khi ông
 Hải Thọ gặp ma (THNN: Đến Khi Ma Chết),
 đêm trăng khi Hạnh và Kha một mình trên đường
 về làng (ĐXTS: Thác Đờ Sau Nhà) Những đêm
 trăng mà Bốn Khi hẹn hò cùng người con gái lạ
 mặt (PT: Đêm Trăng), đêm trăng lúc Hữu ngử lại
 ngoài ngọn hải đăng bên cạnh nhà người yêu (Một
 Minh) hay rõ ràng hơn là mối ám ảnh về trăng lặng
 lẽ và bất ngờ như sau đây qua cái nhìn sâu sắc
 và tỉ mỉ quen thuộc của tác giả: «Quanh năm,
 chàng vẫn sống ở đây, đêm đêm chàng vẫn ngủ ở
 đây, trăng vẫn tháng tháng xuất hiện đều đặn; nhưng
 hai bên không gặp nhau — Trong cuộc sinh hoạt từ
 đầu năm tới cuối năm, chàng không hề gặp trăng, bạn
 chàng không hề gặp, láng giềng của chàng trong khu
 phố không ai gặp. Năm tàn tháng lụn, bỗng một hôm
 chàng mở mắt và bắt gặp...» (PT, tr. 108).

Võ Phiến là một nhà văn đã thành công ngay
 từ những tác phẩm đầu với một khuynh hướng
 văn chương dị biệt hẳn với đa số các nhà văn cùng
 thời (văn chương có đề tài về thôn quê) cùng
 với một kỹ thuật viết văn cá biệt độc đáo.
 Từ đó đến nay đã trên mười năm, kỹ thuật
 văn chương của ông vẫn không thay đổi mấy (vẫn
 một giọng văn tôn trọng sự phân tích cụ thể đào
 sâu thêm đến mức độ sâu sắc và tinh vi hơn
 mà thôi. Người bút Võ Phiến cho đến nay vẫn là
 một người bút phân tích cái cụ thể (đời sống, con
 người) tinh vi và tế nhị nhất, đó cũng chính là
 tham vọng văn chương mà tác giả đã tự nhận (1).
 Nhưng hơn cả phần kỹ thuật của tác phẩm, Võ
 Phiến còn xứng đáng là một nhà văn thuần túy dân
 tộc theo cái nghĩa ông là nhà văn hiếm hoi đã đưa
 văn chương của mình hướng về đồng quê nơi
 những xóm làng ruộng vườn xa xăm của những lớp
 người dân đã quê mùa chất phác thường bị bỏ
 quên trong lịch sử (văn chương), nhìn về những
 nơi đó bằng một cái nhìn hòa đồng cảm thông và nói
 về những nhân vật đó bằng một giọng nói thích
 hợp — bằng chính cái nhìn của họ và bằng chính
 giọng nói của họ, những người dân quê VN muôn
 đời chơn thật. Trong ý nghĩa đó có thể nói Võ Phiến
 vốn là một người nhà quê viết văn đứng từ nơi quê
 hương làng mạc của mình để nói về chính cái quê
 hương đó — Một hình thức ngợi ca quê hương thật
 thiết tha dù đôi khi sự ngợi ca đó có nhuộm đầy
 một sắc thái nhòai kín đáo. Δ

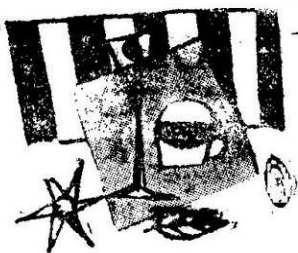
(1) «Tôi tiếc là đã không chế được sợi tóc ra
 làm tóc» — Võ Phiến trả lời một cuộc phỏng
 vấn (báo VĂN).

Gái diêm tung hoành giữa thủ đô Mỹ, «THỰC
 DÂN» Mỹ kỳ thị Nam Bắc, trắng đen như thế
 nào? Sinh hoạt của thủ đô thoát y Baltimore.
 Cái dơ dáy của Nữ Ước. Cái ngổ ngàng của
 người vừa tới Mỹ... Tất cả những điều đó được
 kể lại bằng một giọng văn châm biếm dí dỏm, nhẹ
 nhàng của tác giả Chuyện Cấm Đàn Bà trong
 cuốn sách vừa phát hành:

THÀNH PHỐ BUỒN THIU
 của ĐẶNG TRẦN HUÂN

SÁNG TẠO xuất bản. Dầy trên 200 trang. Bìa
 offset 4' màu HIẾU ĐỆ

SINH HOẠT VĂN NGHỆ



CÁC MIỀN

HY VÂN
 *
 PHỤ TRÁCH
 HOÀNG NGỌC LIÊN

Tuần này Sinh hoạt Văn Nghệ Các Miền hân
 hạnh giới thiệu với quý bạn, tờ BỘ BÌNH, Nguyệt
 San của trường Bộ Bình Thủ Đức.

Nói đến trường Bộ Bình Thủ Đức, chúng ta
 liền tưởng ngay đến lớp thanh niên trẻ hăng hái
 lên đường theo tiếng gọi của Quốc Gia. Bộ Bình
 chính là sự góp phần xây dựng văn nghệ của những
 người trẻ đó, trong thời gian ở quân trường, cùng
 với sự cộng tác của những cây bút thân hữu của
 trường Bộ Bình Thủ Đức.

I) — BAN CHỦ BIÊN:

Chủ Nhiệm: Thiếu Tướng Phạm Quốc Thuần,
 Chỉ huy Trường Trường Bộ Bình.

Chủ Bút: Trung Tá Đoàn Bội Trân, Trưởng
 Khối Chiến Tranh Chính Trị.

Tổng Thư Ký: Đại Úy Bùi Duy Điền,
 Trưởng Phòng Tâm lý Chiến.

Với sự cộng tác: Trung Tá Phan Công Giàu —
 Ý Yên — Thái Uyên — Vũ Thành Tôn — Thái
 Tú Hạp — Vinh Chấn — Trần Công Tiến — Nguyễn
 Nam Sơn — Huỳnh Q Thục — Nguyễn Đăng Cự —
 Phạm Văn Kim — Phạm Thụy Yên — Kha Mặc
 Huyền Thy — Nguyễn Đăng Tiến — Nguyễn Hoàng
 Minh — Phùng Kim Chú — Nguyễn Văn Cẩm —
 Phạm Trần Anh — Đỗ Đức Thịnh — Trần Văn
 Thuận — Nguyễn Chi Lăng — Đỗ Đức Nghiêm —
 Lê Văn Huy.

— Tòa Soạn: Khối Chiến Tranh Chính Trị
 Phòng Tâm lý Chiến K.B.C. 4.100

— Thư ký tòa soạn: Trung úy Lâm
 Thành Ngôn.

II) — HÌNH THỨC:

Bộ Bình in trên giấy trắng đẹp, khổ 15cm x
 18cm, dầy 130 trang, bìa 5 màu do Đỗ Đức
 Nghiêm thực hiện.

Báo in thật đẹp, hình ảnh sinh hoạt của Ngọc
 Nhi và Trung Tín rõ ràng. Các trang ruột đều có
 tranh hoạt họa để trang điểm cho tờ báo. Ruột báo
 cũng in 2 màu để đọc và sáng sủa.

III) — NỘI DUNG:

Bộ Bình chia ra làm 3 phần theo sự trình bày
 nội dung như sau:

«Lịch sử là một sự chuyển động, và những
 nhà cai trị cuối lên những cơn lốc nào của
 lịch sử phải biết nương theo để tránh né
 những cơn lốc nào họ không kim hãm được.»

Muốn hiểu những nhà trị nước phải có
 thái độ như thế nào khi gặp những cơn
 giông tố lịch sử, hãy đón đọc:

THUẬT TRỊ NƯỚC TẠI LIÊN SÔ
 của ĐẶNG TÂM

phát hành vào cuối tháng 12.1970

Sách dầy ngót 600 trang, giá kiem ước.

1. — Biên Khảo:

— Thiếu Tướng Phạm Quốc Thuần: Đã đến
 lúc có thể nói rồi... Trận đánh lịch sử một thảm bại
 của Cộng Quân tại Khe Sanh. — Nguyễn Văn Cẩm:
 Thế đứng của chúng ta — Đỗ Đức Thịnh: Thái
 giáo hay «sự giao thoa giữa thiên nhiên và văn hóa
 nơi con người» — Huỳnh Hữu Ủy: Hồ quý lý
 một kinh nghiệm lịch sử đặc biệt.

2. — Văn Nghệ:

— Phùng Kim Chú: Nhập cuộc — Ý Yên:
 Về miền châu thổ. — Nguyễn Đăng Tiến — Bài tôi
 hiện diện — Thành Tôn: Ngày thăm con của lính
 — Thái Tú Hạp — Như cánh chim trời — Vinh
 Chấn. Trên đỉnh trời Tự Do — Phạm, Thụy Yên:
 Sao khuya — Kha Mặc Huyền Thy: Hương Xưa
 — Phùng Kim Chú: Con cừu xanh lục của
 bé Patachou.

3. — Các Mục Thường Xuyên:

— Đoàn Văn Quan Trường — Tin Tức —
 Hình Ảnh — Hợp Thư.

IV. — SÁNG TÁC TRÍCH ĐĂNG:

THƯ TRÊN TUYẾN D

BỊCH VIẾT

... Xa hơn hết là vùng trời «Quê mẹ» giống
 theo hương Bắc từ đỉnh đồi này — Nơi đó đêm
 đêm hàng loạt đạn đại bác làm rung chuyển lòng mẹ,
 hàng chục hỏa châu nổi tiếp bùng cháy chừng như
 chưa soi sáng đủ niềm tủi hờn, khổ đau trên từng
 khuôn mặt chịu đựng nhưng rất bao dung và rất
 cao cả của mẹ VN!

Đến đây anh nhớ lại ban sáng — đại đội di
 chuyển lên ngọn đồi 30 — qua mấy cánh đồng xanh
 mà non trườn theo làn gió, mùi thơm của cây cỏ,
 thiên nhiên, làng mạc dâng lên nồng nàn. Anh
 muốn ôm chặt lấy quê hương — mảnh quê hương
 rách nát còn lại! Mảnh quê hương này anh thường
 gặp được mỗi ngày khi vượt đồng, vượt xóm để
 lần lên bãi học. Đường chúng ta đi hai bên là vườn
 cây đầy trái, giữa vườn khiêm tốn một liếp nhà
 xưa — rêu phong cũ kỹ — Nhiều nhà mái ngói có
 nơi đã tụt đi một góc nhưng ai chả thêm đắp một
 tấm ni lon hay một phần ván thùng của Mỹ. Những
 mái nước lốt gạch xưa trở nên lì lợm nhưng còn
 vẻ xinh xắn. Những bức bình phong, những bề bộn
 với hòn non bộ xưa, xưa lắm — gọi cho chúng anh
 những hoài niệm êm đềm của những buổi trưa hè
 cạnh bờ giếng, cạnh gốc đa, cạnh ngôi trường làng
 cũ. Đường chúng anh đi trẻ con ngơ ngác đứng
 trông, một vài bà cụ ngược mắt nhìn âu yếm —
 xong lặng lẽ cúi đầu làm việc — dân vùng này qua
 bao năm tháng tuy được cái diễm phúc ruộng vườn
 ít bị bom đạn cày phá nhưng lại quá quen với cảnh
 chiến tranh. Ngàn vạn bước chân lầm lũi, hiên
 ngang của những «ông lính làm quan» thuộc trường
 Bộ binh Thủ Đức đã qua đây, đã dừng lại và đã
 từng vung vãi rất nhiều kỷ niệm... Δ

PHÁT HÀNH THÁNG 11. 70

HU VÔ CA

THƠ NAM CHỮ

PHỤ BẢN PHAN THẢO VY

— Muốn tìm hiểu đời sống lầm liệt của một
 bọn chỉ biết «đường mây cười tở ham đong ruồi»

Trưởng liêu thương ai chịu lạnh lùng»

— Năm người đã sống, đã chiến đấu cho tổ
 quốc không gian viết truyện

ĐƯỜNG MÂY

Đào Vũ Anh Hùng, Kiêm Thêm, Trần Viễn
 Phương, Phạm Hồ, Lê Văn Trước.

KHÔNG GIAN xuất bản
 phát hành trên toàn quốc



BÀI NHẬN ĐƯỢC

Trong tuần lễ vừa qua, KH đã nhận được thư từ và bài vở sau đây:

Thương Việt Linh Đà Nẵng — Phạm Ngọc Lư — Phạm Mai Hân Tuy Hòa — Tạ Từ Vững Tàu Phan Tấn Uẩn — Thái Nguyên Huế — Đinh Xuân Phương KBC 6206 — Trần Cổ Sương — Uyên Mặc Nhân — Ngọc Thủy Khanh DaLat — Cát Hồng — Thụy Miên Vinh Long — Tiết Tâm Linh Vinh Long — Võ Duy Chung Phan Rang — Duy Nhượng Mỹ Tho — Trần Tuệ Viên Vinh Long — Phương Tự — Trần Hoàng Hôn — Nguyễn Tịch Phiến Đà Nẵng — Trùng Thu — Hoài Việt Nhân — Võ Chân Cửu — Trần

ĐẠI HỘI VĂN NGHỆ SĨ QUÂN ĐỘI KỲ II

THÔNG BÁO của HỘI V.N.S.Q.Đ

Trân trọng thông báo anh em Hội viên toàn quốc rõ:

Do nghị định số 844/BNV/KS/14 của Bộ Nội Vụ, Hội đã được hợp thức hóa để mở rộng mọi hoạt động.

Đại Hội Văn Nghệ Toàn Quân kỳ 2 sẽ được triệu tập vào trung tuần tháng 12-70.

Vậy yêu cầu anh em Hội Viên nào có thay đổi đơn vị, địa chỉ, xin thông báo gấp và rõ ràng cho VP HỘI 72, NGUYỄN DU SAIGON biết để tiện xin phép cho anh em về dự Đại Hội.

Đồng thời mỗi Hội Viên gửi gấp về địa chỉ trên 2 ảnh 3x4 để làm thẻ. Hội viên (ghi rõ tên họ cấp bậc, đơn vị, bộ môn chính, KBC — bằng bút chì sau lưng 2 tấm ảnh).

Hữu Nghiêm Huế — Trần Châu Cung — Thái Tá Hạp — Nguyễn Uyên
Cần Thơ — Nguyễn Văn Hinh — Vy Phương Đà Nẵng — Vương Hoàn
Nhã Hiền — Phạm Cầu Sa — Lưu Uyên Huế — Hoàng Đình Huy Quan
Phương Kontom — Lê Như Tâm — Cầm Thơ — Nguyễn Đình Phú —
Trần Nhật Tuấn — Trần Duyệt Nguyễn Quang Bằng — Nguyễn Thiệp
Tướng Tây Ninh — Nguyễn Hoài Lang — Văn Dạ Thảo — Hàn
Uyên Phương KBC 4798 — Ngụy Văn Tấn —

NHÂN TIN CHUNG

Trong khoảng thời gian gần đây tôi nhận được nhiều thư của quý bạn, và bạn đọc.

Xin lỗi quý bạn về sự sẽ chậm trễ trả lời.

Viên Linh
26-11-70

MISHIMA YUKIO

tiếp theo trang 4

cái gì có ý nghĩa sau khi mình lìa bỏ nhân sinh, không bao giờ là việc thông thường. Chắc chắn, lúc sinh thời, Mishima Yukio đã mục kích nhiều cái chết khác nhau — cái giây phút rất ngắn ngủi định đoạt kiếp người và ý nghĩa của kiếp sống. Xin giới hạn quan niệm của ông về cái chết trong Kim Các Tự. Một viên đạn từ họng súng người yêu đảo ngũ, phản chiến đã kết liễu đời Uihō xinh đẹp, chung tình. Bất ngờ, bánh xe một chiếc cam không đã cán nát thầy Tsurukawa, vì người tàn tật trẻ tuổi, hồn nhiên này, do mỗi buồn tình ái, đã muốn đoạn tuyệt với cuộc đời... Nhưng, Mizoguchi, nhân vật Mishima năng nổ và khỏe cồng cày dựng, lại có quan niệm khác hẳn. Lời nói cuối cùng của anh trong câu truyện nghe thật đơn giản, song bao hàm nhiều ý nghĩa: «Tôi Muốn Sống.»

Không ngờ hôm nay, những người hâm mộ Mishima Yukio lại có thể nhắc lại câu nói ấy cho chính ông nghe, có thể bằng tiếng Việt hay bằng bất kỳ thứ tiếng nào khác. Phải nhắc cho ông nghe, vì nó chính là tiếng nói của ông biểu lộ một nhân sinh quan trong Kim Các Tự, sáng tác cách đây mười năm lúc ông ba mươi lăm tuổi. Ông đã hiến ngang và bình thản chọn một cái chết lúc cuộc đời chưa bắt ông phải chết. Nhưng làm như vậy hẳn rằng ông đã muốn sống một cuộc đời có ý nghĩa cao cả, sâu xa và muốn người khác biết, tìm đường sống cho ra sống. Văn hào Hoa kỳ E. Hemingway khi đề cập tới vấn đề tự tử đã từng viết một câu ý nghĩa rất sâu sắc, đại ý: giữa một bữa tiệc linh đình liệu có mấy thực khách đủ can đảm phải áo đứng lên. Mishima Yukio đang được người đời hâm mộ, đang ở giữa một tiệc vui vậy mà bình thản, quyết tâm rũ áo đứng dậy để đi vào cõi chết. Đi vào cõi chết để vạch một đường sống cho người khác, đó cũng là một cách biểu lộ; tuy bi thảm nhưng rất hào hùng, cái chủ trương «Tôi Muốn Sống.»

Vậy nên, xin lấy lời nói cuối cùng trong Kim Các Tự, làm tiếng nói cuối cùng trong đời Mishima Yukio, nhà văn trứ danh đã muốn sống cuộc đời thực có ý nghĩa. Δ

NĂM NGOẠI 10.000 SỐ XUÂN KHƠI HÀNH BÁN HẾT



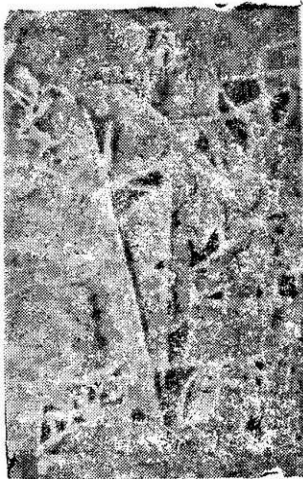
tuyển tập

Xuân Tân Hợi

một số báo văn nghệ không thể thiếu

- CÁC TÁC GIẢ TÊN TUỔI NHẤT
- NHỮNG BÀI TÓNG KẾT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TINH VI NHẤT
- NƠI QUI TỤ NHỮNG TÁC GIẢ TRẺ SÙNG SỨC NHẤT
- MỘT GIAI PHẨM CÔNG PHU VÀ MỸ THUẬT ĐANG ĐƯỢC SỬA SOẠN

NHÀ XUẤT BẢN VĂN ĐỘNG



ĐÃ PHÁT HÀNH:

TÂM THU KINH

thơ ĐẶNG TẤN TỚI

... Tâm Thu Kinh là những Sầu Kinh Ca vọng về Em Ma quá mộng và là máu của thiên thu về tu đồn nhật nguyệt, vỡ hàn huyết tuyết mùa, lửa điều linh chín cõi cho tan nát tang hỏa, vui chôn thể phách. Tất cả chắt hoai xuống một bi thu phù mộng bóng máu mê đường, trải ra vô lượng thu huyết lữ. Từ đó xương máu rung lên lời kinh tạng tịch ngút ngàn sâu thẳm tâm thu...

TRIỂN LÃM BÉ KÝ LẦN THỨ 16

40 BỨC TRANH HOA

VÀ HOẠT HOA

TẠI PHÁP VÂN ĐÔNG MINH HỘI

24- GIA LONG SAIGON

KHAI MẠC VÀO HỒI 18, 30 NGÀY 4-3-1970